

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH THI, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA (THAY THẾ THÔNG TƯ SỐ 40/2019/TT-BGTVT, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI CÁC THÔNG TƯ SỐ 35/2020/TT-BGTVT, 38/2023/TT-BGTVT, 60/2024/TT-BGTVT, 09/2025/TT-BXD)**

Thông tư 40/2019/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư số: 35/2020/TT-BGTVT, 38/2023/TT-BGTVT, 60/2024/TT-BGTVT, 09/2025/TT-BXD)	Dự thảo Thông tư thay thế	Lý do sửa đổi
QUY ĐỊNH THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA	QUY ĐỊNH THI, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA	Bỏ nội dung kiểm tra, chỉ để lại là thi để thống nhất một tên gọi
<i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;</i>	<i>Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13 ngày 17/6/2014 của Quốc hội;</i>	
<i>Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;</i>	<i>Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;</i>	Do thay đổi chức năng, nhiệm vụ sau sáp nhập
<i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;</i>	<i>Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;</i>	
<i>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.</i>	<i>Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.</i>	Đổi tên cơ quan ban hành, tên Thông tư

Chương 1	Chương 1	
QUY ĐỊNH CHUNG	QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Thông tư này quy định việc thi, kiểm tra , cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Thông tư này quy định việc thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi chung đối với thi cấp GCNKNCM, CCCM
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi, kiểm tra , cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	1. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Bỏ nội dung kiểm tra
2. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi, kiểm tra , cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.	2. Thông tư này không áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.	Bỏ nội dung kiểm tra
Điều 3. Giải thích từ ngữ	Điều 3. Giải thích từ ngữ	
Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
	<i>1. Cơ sở đào tạo là cơ sở được thành lập và đủ điều kiện đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa theo quy định của pháp luật.</i>	Bổ sung khái niệm cơ sở đào tạo để thống nhất sử dụng tại Thông tư
	<i>2. Người làm việc trên phương tiện thủy nội địa gồm thuyền viên, người lái phương tiện và người làm việc theo chức danh khác trên phương tiện thủy nội địa.</i>	Bổ sung khái niệm người làm việc trên phương tiện thủy nội địa

		để quy định đầy đủ các đối tượng làm việc trên phương tiện
1. Thời gian đảm nhiệm chức danh là thời gian thuyền viên làm việc theo chức danh trên phương tiện thủy nội địa.	3. Thời gian đảm nhiệm chức danh là thời gian thuyền viên, người lái phương tiện làm việc theo chức danh trên phương tiện thủy nội địa phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.	Bổ sung chức danh người lái phương tiện; việc xác nhận thời gian đảm nhiệm chức danh thể hiện quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa được kê khai tại đơn đề nghị (bổ sung bảng kê thời gian làm việc trên phương tiện có xác nhận sau đơn đề nghị)
2. Thời gian tập sự là thời gian thực tập trên phương tiện thủy nội địa theo chức danh được đào tạo dưới sự hướng dẫn của người có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp.	4. Thời gian tập sự là thời gian thực tập trên phương tiện thủy nội địa theo chức danh dưới sự hướng dẫn của người có trình độ chuyên môn phù hợp.	Bổ sung bảng kê thời gian làm việc trên phương tiện có xác nhận sau đơn đề nghị
3. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM) thuyền trưởng, máy trưởng là giấy chứng nhận cho thuyền viên đủ khả năng đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, máy trưởng trên phương tiện thủy nội địa.	5. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (sau đây viết tắt là GCNKNCM) thuyền trưởng, máy trưởng là giấy chứng nhận cho thuyền viên đủ khả năng đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, máy trưởng trên phương tiện thủy nội địa.	
4. Chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là CCCM) là chứng chỉ chứng nhận cho thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đủ khả năng làm việc, xử lý các vấn đề an toàn trên phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển phương tiện thủy nội địa gồm: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ chuyên môn đặc biệt.	6. Chứng chỉ chuyên môn (sau đây viết tắt là CCCM) là chứng chỉ chứng nhận cho người làm việc trên phương tiện thủy nội địa đủ khả năng làm việc, xử lý các vấn đề an toàn trên phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển phương tiện thủy nội địa gồm: chứng chỉ nghiệp vụ, chứng chỉ chuyên môn đặc biệt, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.	Bổ sung quy định về CCCM đối với người làm việc trên phương tiện thủy nội địa (bao gồm cả thuyền viên, người lái và các chức danh hoặc người làm

		<p>việc khác). Việc cấp chứng chỉ an toàn cơ bản cho thuyền viên, người lái phương tiện là không cần thiết vì khi có CCCM nghiệp vụ hoặc GCNKNCM đã thể hiện được thuyền viên, người lái đã được đào tạo các nội dung về an toàn cơ bản trên phương tiện. Việc cấp thêm làm phát sinh thủ tục hành chính.</p> <p>Chỉ cấp chứng chỉ an toàn cơ bản cho đối tượng làm việc trên phương tiện mà hiện không được coi là thuyền viên, người lái.</p>
5. <i>Phương tiện cao tốc (tàu cao tốc)</i> là phương tiện có tốc độ thiết kế thỏa mãn các điều kiện quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc hoặc có tốc độ trên 30 km/h.	7. <i>Phương tiện cao tốc (tàu cao tốc)</i> là phương tiện có tốc độ thiết kế thỏa mãn các điều kiện quy định theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu thủy cao tốc hoặc có tốc độ trên 30 km/h.	
6. <i>Phương tiện thủy nội địa đi ven biển</i> là phương tiện mang cấp VR-SB theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa.	8. <i>Phương tiện thủy nội địa đi ven biển</i> là phương tiện mang cấp VR-SB theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa.	
Chương II	Chương II	
GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ	GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ THI	Bỏ nội dung kiểm tra

THI, KIỂM TRA ĐỂ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	ĐỂ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	
Điều 4. Phân loại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 4. Phân loại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	
1. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được phân thành bốn hạng: hạng nhất (T1), hạng nhì (T2), hạng ba (T3), hạng tư (T4).	1. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được phân thành bốn hạng: hạng nhất (T1), hạng nhì (T2), hạng ba (T3), hạng tư (T4).	
2. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được phân thành ba hạng: hạng nhất (M1), hạng nhì (M2), hạng ba (M3).	2. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được phân thành ba hạng: hạng nhất (M1), hạng nhì (M2), hạng ba (M3).	
3. Chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản (ATCB).	3. Chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản (ATCB).	
4. Chứng chỉ nghiệp vụ, bao gồm:	4. Chứng chỉ nghiệp vụ, bao gồm:	
a) Chứng chỉ thủy thủ (TT);	a) Chứng chỉ thủy thủ (TT);	
b) Chứng chỉ thợ máy (TM);	b) Chứng chỉ thợ máy (TM);	
c) Chứng chỉ lái phương tiện (LPT).	c) Chứng chỉ lái phương tiện (LPT);	
	<i>d) Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (GCN).</i>	Bổ sung quy định về Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.
5. Chứng chỉ chuyên môn đặc biệt, bao gồm:	5. Chứng chỉ chuyên môn đặc biệt, bao gồm:	
a) Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc (ĐKCT);	a) Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc (ĐKCT);	
b) Chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển (ĐKVB);	b) Chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển (ĐKVB);	
c) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển (ATVB);	c) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển (ATVB);	

d) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu (ATXD);	d) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu (ATXD);	
đ) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất (ATHC);	đ) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất (ATHC);	
e) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng (ATKHL).	e) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng (ATKHL);	
	g) Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khách (ATCK).	Nghiên cứu bổ sung Chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khách (du lịch, phà...) và nội dung, chương trình đào tạo để cụ thể nội dung tập huấn theo TT 42/2017/TT-BGTVT (nghịệp vụ xử lý an toàn, ổn định tâm lý hành khách, quản lý đám đông).
6. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn và mã vùng của GCNKNCM, CCCM tại các địa phương theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.	6. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn và mã vùng của GCNKNCM, CCCM tại các địa phương theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.	
Điều 5. Điều kiện chung dự thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 5. Điều kiện chung dự thi để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Bỏ nội dung kiểm tra
1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại điểm b khoản 7, điểm b khoản 8, điểm b khoản	1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài đã hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghề tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại điểm b khoản 7, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b	

9, điểm b khoản 10, điểm b khoản 11 và điểm b khoản 12 Điều 6 của Thông tư này).	khoản 10, điểm b khoản 11 và điểm b khoản 12 Điều 6 của Thông tư này).	
2. Đủ tuổi, đủ thời gian đảm nhiệm chức danh hoặc thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập Hội đồng thi, kiểm tra tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư này.	2. Đủ tuổi, đủ thời gian đảm nhiệm chức danh hoặc thời gian tập sự tính đến thời điểm ra quyết định thành lập Hội đồng thi tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư này.	
3. Có giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.	3. Có giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp, còn thời hạn theo quy định, kết luận đủ điều kiện (sức khỏe) học tập, làm việc trên phương tiện thủy nội địa hoặc kết luận sức khỏe đạt loại II trở lên; trường hợp giấy khám sức khỏe không ghi thời hạn, thời hạn được tính 01 năm kể từ ngày cấp.	Đổi tên cơ sở y tế thành cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với Luật khám bệnh, chữa bệnh; làm rõ thời hạn GKSK của thuyền viên quy định tại khoản 4 Điều 38 Thông tư 32/2023/TT-BYT đối với trường hợp cơ sở khám, chữa bệnh không ghi thời hạn của giấy; làm rõ tiêu chuẩn sức khỏe đối với các nghề, các công việc trực tiếp điều hành các phương tiện vận tải và thi công cơ giới đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không, các nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy

		hiêm, thì các đối tượng phải có đủ điều kiện sức khỏe loại I và loại II quy định tại Mục IV Quyết định số 1613/BYT-QĐ ngày 15 tháng 8 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ cho người lao động
	<i>4. Có các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn còn hiệu lực để chứng minh đủ điều kiện dự thi tương ứng với loại, hạng GCNKNCM, CCCM quy định tại Điều 6 của Thông tư này (trừ các trường hợp cụ thể quy định tại khoản 14 Điều 6 của Thông tư này).</i>	Làm rõ yêu cầu đầu vào chung của các loại GCNKNCM, CCCM, nhấn mạnh yếu tố còn hiệu lực để tránh hiểu sai khi áp dụng.
Điều 6. Điều kiện cụ thể dự thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 6. Điều kiện cụ thể dự thi để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
Ngoài các điều kiện chung quy định tại Điều 5 của Thông tư này, người dự thi, kiểm tra để được cấp GCNKNCM, CCCM phải bảo đảm điều kiện cụ thể sau:	Ngoài các điều kiện chung quy định tại Điều 5 của Thông tư này, người dự thi để được cấp GCNKNCM, CCCM phải bảo đảm điều kiện cụ thể sau:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
	<i>1. Thi để được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa: đủ 15 tuổi trở lên.</i> <i>Người được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản khi làm việc trên phương tiện thủy nội địa phải thường xuyên</i>	Bổ sung điều kiện về tuổi đối với CC ATCB và GCNHTPL GTĐTND. Việc quy định tuổi căn cứ vào Độ tuổi lao động tối thiểu

	<i>được cập nhật, bổ sung những kiến thức mới về an toàn, vận hành trang thiết bị như cứu sinh, cứu hỏa... trên phương tiện làm việc.</i>	tại Luật Lao động và khoản 2 Điều 35 Luật GTĐTND
1. Kiểm tra để được cấp chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ thợ máy: đủ 16 tuổi trở lên.	2. Thi để được cấp chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ thợ máy: đủ 16 tuổi trở lên.	
2. Kiểm tra để được cấp chứng chỉ lái phương tiện: đủ 18 tuổi trở lên.	3. Thi để được cấp chứng chỉ lái phương tiện: đủ 18 tuổi trở lên.	Thống nhất một tên gọi
3. Kiểm tra để được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, phương tiện chở xăng dầu, chở hóa chất, chở khí hóa lỏng: có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ thợ máy hoặc chứng chỉ lái phương tiện trở lên.	4. Thi để được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, phương tiện chở xăng dầu, chở hóa chất, chở khí hóa lỏng, chở khách : có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ thợ máy hoặc chứng chỉ lái phương tiện trở lên.	Thống nhất một tên gọi
4. Kiểm tra để được cấp chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc: đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện trở lên.	5. Thi để được cấp chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc: đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện trở lên.	
5. Kiểm tra để được cấp chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển: có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng ba trở lên, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.	6. Thi để được cấp chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển: <i>có chứng chỉ sơ cấp bậc 3 trở lên chuyên ngành Điều khiển tàu biển, điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc sơ cấp thuyền trưởng hạng 3</i> , có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng ba trở lên, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng <i>từ hạng ba trở lên</i> đủ 06 tháng trở lên.	Thống nhất một tên gọi; không quy định cứng phải là thuyền trưởng hạng ba. Tiếp thu ý kiến các cơ quan, đơn vị, nâng cao năng lực chuyên môn đối với thuyền viên điều khiển phương tiện đi ven biển.
6. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư: đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện.	7. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư: đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện.	
7. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:	8. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba:	

<p>a) Đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện, có thời gian đảm nhiệm chức danh đủ 12 tháng trở lên hoặc có GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư, có thời gian đảm nhiệm chức danh thủy thủ hoặc người lái phương tiện đủ 06 tháng trở lên;</p>	<p>a) Đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thủy thủ hoặc chứng chỉ lái phương tiện, có thời gian đảm nhiệm chức danh thủy thủ hoặc người lái phương tiện đủ 09 tháng trở lên hoặc có GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư, có thời gian đảm nhiệm chức danh thủy thủ hoặc người lái phương tiện hoặc thuyền trưởng hạng tư đủ 06 tháng trở lên;</p>	<p>Làm rõ chức danh đảm nhiệm khi nâng hạng GCNKNCM. Giảm thời gian đảm nhiệm chức danh do phương tiện hạng 3 hiện nay có trọng tải, công suất nhỏ, chủ yếu phục vụ dân sinh, không nhất thiết cần thâm niên nhiều.</p>
<p>b) Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển hoặc nghề thủy thủ, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.</p>	<p>b) Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển hoặc nghề thủy thủ, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với danh mục ngành/ngành đào tạo.</p>
<p>8. Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng ba:</p>	<p>9. Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng ba:</p>	
<p>a) Đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thợ máy, có thời gian đảm nhiệm chức danh thợ máy đủ 12 tháng trở lên;</p>	<p>a) Đủ 18 tuổi trở lên, có chứng chỉ thợ máy, có thời gian đảm nhiệm chức danh thợ máy đủ 09 tháng trở lên;</p>	<p>Giảm thời gian đảm nhiệm chức danh do phương tiện hạng 3 hiện nay có trọng tải, công suất nhỏ, chủ yếu phục vụ dân sinh, không nhất thiết cần thâm niên nhiều.</p>
<p>b) Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển hoặc nghề thợ máy, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.</p>	<p>b) Đối với người đã có chứng chỉ sơ cấp nghề được đào tạo theo nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển hoặc nghề thợ máy, hoàn thành thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM máy trưởng hạng ba, không phải dự học chương trình tương ứng.</p>	

9. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì:	10. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì:	
a) Có GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 18 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 12 tháng trở lên;	a) Có GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 18 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 12 tháng trở lên;	
b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba đủ 12 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, không phải dự học chương trình tương ứng.	b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba đủ 12 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, không phải dự học chương trình tương ứng.	Điều chỉnh cho đúng với danh mục ngành/nghề đào tạo.
10. Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhì:	11. Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhì:	
a) Có GCNKNCM máy trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề máy trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên;	a) Có GCNKNCM máy trưởng hạng ba, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng ba hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên hoặc có chứng chỉ sơ cấp nghề máy trưởng hạng ba, có thời gian tập sự đủ 06 tháng trở lên;	
b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, không phải dự học chương trình tương ứng.	b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, không phải dự học chương trình tương ứng.	
11. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất:	12. Thi để được cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất:	
a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên, có GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, có	a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên hoặc bằng trung cấp chuyên ngành điều khiển tàu biển, điều khiển	Quy định cụ thể trình độ văn hoá của học viên,

<p>thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhất đủ 24 tháng trở lên;</p>	<p>phương tiện thủy nội địa trở lên, có GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh thuyền trưởng hạng nhất đủ 24 tháng trở lên;</p>	<p>hạn chế cách hiểu không thống nhất khi thực hiện, bổ sung trình độ chuyên môn chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi kích thước, trọng tải, công suất phương tiện ngày càng nâng cao</p>
<p>b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 18 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, không phải dự học chương trình tương ứng.</p>	<p>b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, không phải dự học chương trình tương ứng.</p>	<p>Điều chỉnh cho đúng với danh mục ngành/ngành đào tạo. Điều chỉnh giảm thời gian tập sự cho phù hợp thực tế, tận dụng nguồn nhân lực được đào tạo chính quy.</p>
<p>12. Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhất:</p>	<p>13. Thi để được cấp GCNKNCM máy trưởng hạng nhất:</p>	
<p>a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên, có GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhất đủ 18 tháng trở lên;</p>	<p>a) Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên hoặc bằng trung cấp chuyên ngành khai thác, vận hành, sửa chữa máy tàu biển, máy tàu thủy trở lên, có GCNKNCM máy trưởng hạng nhì, có thời gian đảm nhiệm chức danh máy trưởng hạng nhì hoặc đảm nhiệm chức danh máy phó của loại phương tiện được quy định cho chức danh máy trưởng hạng nhất đủ 18 tháng trở lên;</p>	<p>Quy định cụ thể trình độ văn hoá của học viên, hạn chế cách hiểu không thống nhất khi thực hiện</p>
<p>b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM máy</p>	<p>b) Đối với người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh máy trưởng hạng nhì đủ 12 tháng trở lên được dự thi để cấp GCNKNCM máy trưởng</p>	

trưởng hạng nhất, không phải dự học chương trình tương ứng.	hạng nhất, không phải dự học chương trình tương ứng.	
	<p>14. Thi để được nâng hạng cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng đối với trường hợp GCNKNCM hạng thấp hơn đã quá hạn:</p> <p><i>Người có GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng đã quá hạn, có nhu cầu dự học, thi nâng hạng cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng cao hơn, ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 10, điểm a khoản 11, điểm a khoản 12. điểm a khoản 13 Điều này, phải hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh tương ứng với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng đã quá hạn tối thiểu 03 tháng trong khoảng thời gian 06 tháng tính đến thời điểm ra quyết định thành lập Hội đồng thi.</i></p>	Bổ sung quy định nâng hạng cấp GCNKNCM đối với trường hợp GCNKNCM hạng thấp hơn đã quá hạn, tạo điều kiện cho thuyền viên, tận dụng nguồn nhân lực, hạn chế cách hiểu không thống nhất khi áp dụng
Chương III	Chương III	
TỔ CHỨC HỌC, THI, KIỂM TRA ĐỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	TỔ CHỨC HỌC, THI ĐỀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
Điều 7. Thẩm quyền tổ chức thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 7. Thẩm quyền tổ chức thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Sở Xây dựng:	1. Sở Xây dựng:	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 09/2025/TT-BXD
a) Tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, GCNKNCM máy trưởng từ hạng ba trở lên đối với học	Tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, GCNKNCM máy trưởng từ hạng ba trở lên, CCCM điều khiển	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 09/2025/TT-BXD; kiểm

viên học tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn quản lý;	<i>phương tiện đi ven biển</i> đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn quản lý.	soát và nâng cao chất lượng đầu ra đối với học viên được cấp CCCM điều khiển phương tiện đi ven biển.
b) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM đặc biệt đối với học viên học tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn quản lý.		Tiếp thu ý kiến của các Sở Xây dựng. Cơ quan nào tổ chức thi thì cơ quan đó ra Quyết định công nhận kết quả thi và cấp CCCM đặc biệt
2. Sở Giao thông vận tải:		
a) Tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, hạng tư và GCNKNCM máy trưởng hạng ba;		
b) Các Sở Giao thông vận tải quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này, ngoài thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này được tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng từ hạng nhì trở lên; quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM đặc biệt;		
e) Đối với Sở Giao thông vận tải chưa được quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư này, nếu đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì; quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM đặc biệt thì có văn bản đề nghị Bộ Giao		

thông vận tải xem xét, quyết định.		
2. Cơ sở đào tạo đủ điều kiện theo quy định:	2. Cơ sở đào tạo:	Thống nhất sửa dụng khái niệm
a) Tổ chức kiểm tra , ra quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ ng nghiệp vụ và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản;	Tổ chức thi , ra quyết định công nhận kết quả thi , cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ chuyên môn (trừ CCCM điều khiển phương tiện đi ven biển) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.	Tiếp thu ý kiến của các Sở Xây dựng. Cơ quan nào tổ chức thi thì cơ quan đó ra Quyết định công nhận kết quả thi đồng thời đẩy mạnh phân cấp về CSĐT
b) Tổ chức kiểm tra CCCM đặc biệt.		
3. Cơ quan nào có thẩm quyền cấp GCNKNCM, CCCM thì cơ quan đó thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM. Khi cấp lại GCNKNCM, CCCM thì cơ quan có thẩm quyền phải hủy bản chính GCNKNCM, CCCM bằng hình thức cắt góc.	3. Cơ quan nào có thẩm quyền cấp GCNKNCM, CCCM thì cơ quan đó thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM. Khi cấp lại GCNKNCM, CCCM thì cơ quan có thẩm quyền phải cập nhật trạng thái hủy GCNKNCM, CCCM cũ trên Phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đồng thời cắt góc trong trường hợp hồ sơ gửi, nhận trực tiếp hoặc hủy bằng hình thức phù hợp khác.	Đa dạng phương thức để phù hợp với thực tế và xu hướng chuyển đổi số trong QLNN; cập nhật tên phần mềm của Cục HHĐTVN
Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM tại cơ quan không phải là cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM trước đó thì cơ quan đó căn cứ vào thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có văn bản gửi đến cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM trước đó xác minh, sau khi có kết quả xác minh thực hiện việc cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này.	Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM tại cơ quan không phải là cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM trước đó thì cơ quan đó căn cứ vào thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện tra cứu dữ liệu GCNKNCM, CCCM điện tử trên Phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc có văn bản gửi đến cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM trước đó xác minh, sau khi có kết quả tra cứu , xác minh thực hiện việc	Tăng cường ứng dụng CNTT trong QLNN

	cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 19 của Thông tư này.	
Điều 8. Quy định về tổ chức lớp học	Điều 8. Quy định về tổ chức lớp học	
Cơ sở đào tạo thực hiện các công việc sau:	Cơ sở đào tạo thực hiện các công việc sau:	
1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, rà soát các điều kiện dự học, thi, kiểm tra theo quy định.	1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, rà soát các điều kiện dự học, thi theo quy định.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
2. Mở lớp, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo nội dung, chương trình đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và pháp luật về giáo dục nghề nghiệp .	2. Mở lớp, tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên theo nội dung, chương trình đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.	Cập nhật Cơ quan Ban hành VBQPPL
3. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày khai giảng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này:	3. Đối với CCCM đặc biệt, trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, đối với các GCNKNCM, CCCM khác , trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày khai giảng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này:	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 09/2025/TT-BXD; CCCM đặc biệt có thời gian đào tạo ngắn (khoảng 07 ngày), cần thông báo sớm lịch học để cơ quan quản lý kiểm tra, giám sát.
a) Danh sách học viên đủ điều kiện dự học (Báo cáo số 1) do người đứng đầu cơ sở đào tạo xét duyệt theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;	a) Danh sách học viên đủ điều kiện dự học (Báo cáo số 1) do người đứng đầu cơ sở đào tạo xét duyệt theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;	
b) Kế hoạch đào tạo của toàn khóa học theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.	b) Kế hoạch đào tạo của toàn khóa học theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.	
4. Sau khi kết thúc khóa học, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này:	4. Sau khi kết thúc khóa học, báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này:	Cập nhật theo quy định tại Thông tư 09/2025/TT-BXD
a) Kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2) do người	a) Kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2) do người	

đứng đầu cơ sở đào tạo xét duyệt theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;	đứng đầu cơ sở đào tạo xét duyệt theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;	
b) Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra .	b) Kế hoạch tổ chức thi.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
5. Đối với CCCM, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, trước khi tổ chức kiểm tra cấp CCCM, cơ sở đào tạo báo cáo bằng văn bản về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này để giám sát các kỳ kiểm tra; đối với CCCM đặc biệt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này, sau khi có kết quả kiểm tra của học viên, cơ sở đào tạo gửi kết quả kiểm tra về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này để ra Quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp CCCM đặc biệt.	5. Đối với CCCM (trừ CCCM điều khiển phương tiện đi ven biển), trước 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức thi cấp CCCM, cơ sở đào tạo báo cáo bằng văn bản về cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này để giám sát các kỳ thi cấp CCCM .	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; Tiếp thu ý kiến của các Sở Xây dựng. Cơ quan nào tổ chức thi thì cơ quan đó ra Quyết định công nhận kết quả thi đồng thời đẩy mạnh phân cấp về CSĐT.
Điều 9. Tổ chức thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, kiểm tra cấp chứng chỉ chuyên môn	Điều 9. Tổ chức thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Sau khi nhận được kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra và kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2), cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này ra quyết định thành lập Hội đồng thi, kiểm tra theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ đạo thực hiện kỳ thi, kiểm tra theo quy định hiện hành. Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra hoặc người được ủy quyền, Thư ký Hội đồng thi, kiểm tra phải có mặt để chỉ đạo và giải quyết công việc trong suốt quá trình tổ chức thi, kiểm tra .	1. Sau khi nhận được kế hoạch tổ chức thi và kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2), cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này ra quyết định thành lập Hội đồng thi theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và chỉ đạo thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành. Chủ tịch Hội đồng thi hoặc người được ủy quyền, Thư ký Hội đồng thi phải có mặt để chỉ đạo và giải quyết công việc trong suốt quá trình tổ chức thi.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
2. Thư ký Hội đồng thi, kiểm tra rà soát hồ sơ dự thi, kiểm tra của thí sinh; niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tại các phòng thi, kiểm tra ; thí sinh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra phải có đủ số điểm kiểm tra các môn	2. Thư ký Hội đồng thi rà soát hồ sơ dự thi của thí sinh; niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tại các phòng thi; thí sinh đủ điều kiện dự thi phải có đủ số điểm kiểm tra các môn học, mô-đun theo chương trình đào tạo đạt yêu cầu và	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi

học, mô-đun theo chương trình đào tạo đạt yêu cầu và có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định trong hồ sơ dự học, thi, kiểm tra của thí sinh.	có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định trong hồ sơ dự học, thi của thí sinh.	
3. Hội đồng thi, kiểm tra tổ chức họp hội đồng:	3. Hội đồng thi tổ chức họp hội đồng:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
a) Họp phiên thứ nhất: xây dựng lịch thi, kiểm tra theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; lựa chọn đề thi, kiểm tra trong ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ban hành; phân công nhiệm vụ, đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện kỳ thi, kiểm tra ;	a) Họp phiên thứ nhất: xây dựng lịch thi, theo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; lựa chọn đề thi trong ngân hàng câu hỏi thi do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam ban hành; phân công nhiệm vụ, đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện kỳ thi;	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; cập nhật Cơ quan ban hành VB
b) Họp phiên thứ hai: xét kết quả thi, kiểm tra theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; xem xét các đề xuất, kiến nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết các vấn đề phát sinh bất thường trong kỳ thi, kiểm tra .	b) Họp phiên thứ hai: xét kết quả thi theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; xem xét các đề xuất, kiến nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng thi có thể triệu tập họp đột xuất để giải quyết các vấn đề phát sinh bất thường trong kỳ thi.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
4. Kết thúc kỳ thi, kiểm tra , Hội đồng thi, kiểm tra báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này:	4. Kết thúc kỳ thi, Hội đồng thi báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
a) Bảng tổng hợp kết quả thi, kiểm tra (Báo cáo số 3) theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;	a) Bảng tổng hợp kết quả thi (Báo cáo số 3) theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư này;	
b) Biên bản họp Hội đồng thi, kiểm tra lần thứ nhất, lần thứ hai theo quy định tại Phụ lục IX, X ban hành kèm theo Thông tư này;	b) Biên bản họp Hội đồng thi lần thứ nhất, lần thứ hai theo quy định tại Phụ lục IX, X ban hành kèm theo Thông tư này;	
c) Các văn bản khác liên quan đến kỳ thi, kiểm tra .	c) Các văn bản khác liên quan đến kỳ thi.	
5. Sau khi nhận được các báo cáo của Hội đồng thi, kiểm	5. Sau khi nhận được các báo cáo của Hội đồng thi, cơ quan	Bỏ nội dung kiểm tra để

<p>tra, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp GCNKNCM, CCCM (kèm theo danh sách cấp) đối với thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Khi cấp GCNKNCM hạng cao hơn thì hủy GCNKNCM hạng thấp liền kề bằng hình thức cắt góe và trả lại cho cá nhân tự lưu trữ cùng hồ sơ nhập học.</p>	<p>có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM, CCCM (kèm theo danh sách cấp) đối với thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này. Khi cấp GCNKNCM hạng cao hơn thì hủy GCNKNCM hạng thấp liền kề bằng hình thức phù hợp và trả lại cho cá nhân tự lưu trữ cùng hồ sơ nhập học.</p>	<p>thống nhất một tên gọi; Đa dạng phương thức để phù hợp với thực tế và xu hướng chuyển đổi số trong QLNN</p>
	<p>6. Đối với Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, căn cứ vào nhu cầu của người dân, cơ sở đào tạo phối hợp với Sở Xây dựng theo địa bàn quản lý và các đơn vị liên quan, tổ chức đào tạo cho người dân tại địa điểm phù hợp, không nhất thiết phải tổ chức đào tạo tại địa điểm được cấp phép của cơ sở đào tạo, bảo đảm đủ thời lượng, trang bị đủ kiến thức và kỹ năng cho người học. Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo, đánh giá, ra quyết định công nhận kết quả và cấp GCN cho người dân ngay sau khi hoàn thành khóa học.</p>	<p>Nội dung đào tạo Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đơn giản, chủ yếu lý thuyết về Luật GTĐTND, cấp cho phương tiện dân sinh. Bổ sung quy định để thuận lợi cho bà con được đào tạo, cấp GCN ngay tại địa phương.</p>
<p>6. Khi cấp GCNKNCM, CCCM, cơ quan có thẩm quyền vào sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM. Sổ được đóng quyển dùng cho từng khóa học hoặc nhiều khóa. Sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	<p>7. Khi cấp GCNKNCM, CCCM, cơ quan có thẩm quyền vào sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM. Sổ được đóng quyển dùng cho từng khóa học hoặc nhiều khóa. Sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.</p>	
<p>Điều 10. Hội đồng thi, kiểm tra</p>	<p>Điều 10. Hội đồng thi</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi</p>
<p>1. Hội đồng thi, kiểm tra có 05 (năm) hoặc 07 (bảy) thành viên.</p>	<p>1. Hội đồng thi có 05 (năm) hoặc 07 (bảy) thành viên.</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi</p>
<p>2. Thành phần của Hội đồng thi:</p>	<p>2. Thành phần của Hội đồng thi cấp GCNKNCM, CCCM</p>	<p>Phân biệt với Hội đồng</p>

	<i>điều khiển phương tiện đi ven biển:</i>	thi cấp CCCM
a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này hoặc người được ủy quyền;	a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại <i>khoản 1</i> Điều 7 của Thông tư này hoặc người được ủy quyền;	Làm rõ Cơ quan có thẩm quyền
b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan có thẩm quyền, lãnh đạo của các cơ sở đào tạo;	b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo <i>phòng, ban</i> của cơ quan có thẩm quyền, lãnh đạo của các cơ sở đào tạo <i>hoặc người được ủy quyền;</i>	Tăng tính linh động trong quá trình thực hiện
c) Ủy viên Thư ký là chuyên viên theo dõi công tác đào tạo của cơ quan có thẩm quyền;	c) Ủy viên Thư ký là chuyên viên theo dõi công tác đào tạo của cơ quan có thẩm quyền;	
d) Các ủy viên còn lại là chuyên viên của cơ quan có thẩm quyền, lãnh đạo các phòng, khoa, tổ chuyên môn của các cơ sở đào tạo.	d) Các ủy viên còn lại là chuyên viên của cơ quan có thẩm quyền, lãnh đạo các phòng, khoa, tổ chuyên môn của các cơ sở đào tạo.	
3. Thành phần của Hội đồng kiểm tra :	3. Thành phần của Hội đồng <i>thi cấp CCCM:</i>	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; phân biệt với Hội đồng thi cấp GCNKNCM
a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ sở đào tạo;	a) Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ sở đào tạo <i>hoặc người được ủy quyền;</i>	Tăng tính linh hoạt trong quá trình thực hiện
b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo hoặc trưởng phòng của cơ sở đào tạo;	b) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo <i>của cơ sở đào tạo</i> hoặc <i>lãnh đạo</i> phòng, <i>ban, khoa, tổ môn</i> của cơ sở đào tạo;	Tăng tính linh hoạt trong quá trình thực hiện
c) Ủy viên Thư ký là lãnh đạo phòng đào tạo của cơ sở đào tạo;	c) Ủy viên Thư ký là lãnh đạo phòng đào tạo <i>hoặc lãnh đạo phòng, khoa, tổ chuyên môn hàng hải, đường thủy nội địa</i> của cơ sở đào tạo;	Tăng tính linh động trong quá trình thực hiện
d) Các ủy viên còn lại là lãnh đạo các phòng, khoa, tổ môn chuyên môn của cơ sở đào tạo.	d) Các ủy viên còn lại là lãnh đạo các phòng, khoa, tổ môn chuyên môn, <i>giáo viên</i> của cơ sở đào tạo.	Tăng tính linh động trong quá trình thực hiện
Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi, kiểm tra	Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng thi	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi;

1. Tổ chức thi, kiểm tra .	1. Tổ chức thi.	
2. Quyết định thành lập Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.	2. Quyết định thành lập Ban coi thi, chấm thi theo quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư này.	
3. Duyệt danh sách học viên đủ điều kiện dự thi, kiểm tra .	3. Duyệt danh sách học viên đủ điều kiện dự thi.	
4. Tổ chức họp hội đồng 02 (hai) lần hoặc họp đột xuất, chỉ tổ chức họp khi có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền và có ít nhất hai phần ba số thành viên hội đồng tham gia. Trong các phiên họp hội đồng, nếu có ý kiến không thống nhất thì lấy theo đa số, các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.	4. Tổ chức họp hội đồng 02 (hai) lần hoặc họp đột xuất, chỉ tổ chức họp khi có mặt Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền và có ít nhất hai phần ba số thành viên hội đồng tham gia. Trong các phiên họp hội đồng, nếu có ý kiến không thống nhất thì lấy theo đa số, các trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.	
5. Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy thi, kiểm tra cho thành viên ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra và người dự thi, kiểm tra.	5. Phổ biến, hướng dẫn các quy định, nội quy thi cho thành viên ban coi thi, chấm thi và người dự thi.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
6. Tổng hợp kết quả thi, kiểm tra và báo cáo cơ quan có thẩm quyền:	6. Tổng hợp kết quả thi và báo cáo cơ quan có thẩm quyền:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
a) Danh sách kết quả thi, kiểm tra của thí sinh;	a) Danh sách kết quả thi của thí sinh;	
b) Danh sách thí sinh trúng tuyển;	b) Danh sách thí sinh trúng tuyển;	
c) Các biên bản họp hội đồng;	c) Các biên bản họp hội đồng;	
d) Các văn bản khác có liên quan.	d) Các văn bản khác có liên quan.	
Điều 11a. Giám sát kỳ thi, kiểm tra	Điều 12. Giám sát Hội đồng thi	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; thống nhất tên gọi giám sát Hội đồng thi; đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư

<p>1. Căn cứ kế hoạch tổ chức hội đồng thi cấp GCNKNCM hoặc báo cáo của cơ sở đào tạo về kế hoạch tổ chức kiểm tra cấp CCCM, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này cử cán bộ giám sát hội đồng thi, kiểm tra.</p>	<p>1. Căn cứ kế hoạch tổ chức hội đồng thi cấp GCNKNCM hoặc báo cáo của cơ sở đào tạo về kế hoạch tổ chức thi cấp CCCM, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này cử cán bộ giám sát hội đồng thi.</p>	
<p>2. Nhiệm vụ của cán bộ giám sát kỳ thi, kiểm tra:</p>	<p>2. Nhiệm vụ của cán bộ giám sát hội đồng thi:</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; thống nhất tên gọi giám sát Hội đồng thi</p>
<p>a) Thực hiện giám sát hội đồng thi, kiểm tra bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch;</p>	<p>a) Giám sát việc thực hiện chức trách của các thành viên hội đồng thi, ban coi thi, chấm thi, công tác tổ chức hội đồng thi bảo đảm tính công khai, khách quan, minh bạch;</p>	<p>Làm rõ vai trò của cán bộ giám sát là giám sát công tác tổ chức của hội đồng thi, thành viên HĐT, ban coi, chấm thi</p>
<p>b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự thi, kiểm tra trước khi vào phòng thi, kiểm tra; người không có nhiệm vụ không được vào phòng thi, kiểm tra;</p>	<p>b) Giám sát việc kiểm tra nhận dạng người dự thi trước khi vào phòng thi của giám thị, giám khảo phòng thi;</p>	<p>Làm rõ vai trò giám sát việc thực hiện chức trách của thành viên Ban coi, chấm thi.</p>
<p>c) Giám sát phương tiện thi, kiểm tra đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định;</p>	<p>c) Kiểm tra hồ sơ phương tiện thi, kiểm tra đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định;</p>	<p>Cán bộ giám sát chỉ kiểm tra hồ sơ phương tiện do Hội đồng thi cung cấp bảo đảm đủ điều kiện. Căn cứ hồ sơ được cung cấp, cán bộ giám sát có thể kiểm tra thực tế (nếu cần thiết).</p>
<p>d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không làm thay nhiệm vụ của cán bộ coi thi, chấm thi, có kiểm tra, chấm kiểm tra.</p>	<p>d) Cán bộ giám sát làm việc độc lập, không làm thay nhiệm vụ của cán bộ coi thi, chấm thi.</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi</p>
<p>3. Quyền hạn của người giám sát:</p>	<p>3. Quyền hạn của cán bộ giám sát:</p>	<p>Thống nhất tên gọi</p>

<p>a) Khi phát hiện sai phạm phải lập biên bản, đề nghị Hội đồng thi, kiểm tra xử lý kịp thời, đúng quy định;</p>	<p>a) Khi phát hiện sai phạm <i>có quyền</i> lập biên bản, đề nghị Hội đồng thi xử lý kịp thời, đúng quy định;</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi</p>
<p>b) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này để xem xét, xử lý.</p>	<p>b) Báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này để xem xét, xử lý.</p>	
<p>4. Kết thúc kỳ thi, kiểm tra, cán bộ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này.</p>	<p>4. Kết thúc kỳ thi, cán bộ giám sát báo cáo bằng văn bản kết quả giám sát với cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này.</p>	
<p>Điều 12. Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra</p>	<p>Điều 13. Ban coi thi, chấm thi</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư</p>
<p>1. Tùy thuộc số lượng thí sinh dự thi, kiểm tra có thể thành lập chung Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra hoặc thành lập riêng nhưng tối thiểu phải có 03 (ba) thành viên. Trưởng Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra là ủy viên của Hội đồng thi, kiểm tra. Thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra là người đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đạt yêu cầu do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức trong thời hạn ba năm gần nhất kể từ khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.</p>	<p>1. Tùy thuộc số lượng thí sinh dự thi có thể thành lập chung Ban coi thi, chấm thi, hoặc thành lập riêng nhưng tối thiểu phải có 03 (ba) thành viên. Trưởng Ban coi thi, chấm thi là ủy viên của Hội đồng thi. Thành viên Ban coi thi, chấm thi là người đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ coi thi, chấm thi đạt yêu cầu do <i>Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> tổ chức trong thời hạn <i>năm</i> năm gần nhất kể từ khi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của <i>Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i>.</p>	<p>- Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; cập nhật cơ quan có thẩm quyền; - Tăng thời gian được coi thi, chấm thi đối với giám thị, giám khảo để phù hợp với tình hình thực tế và thời hạn của GCNKNCM</p>
<p>2. Nhiệm vụ của Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra:</p>	<p>2. Nhiệm vụ của Ban coi thi, chấm thi:</p>	<p>Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi</p>
	<p><i>a) Kiểm tra điều kiện an toàn phòng thi; điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị phục vụ kỳ thi;</i></p>	<p>Làm rõ trách nhiệm của Ban coi thi, tương ứng với việc xử lý vi phạm Ban coi thi tại Điều 25.</p>

a) Coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra theo đúng quy định;	b) Coi thi, chấm thi theo đúng quy định; <i>lập biên bản, báo cáo chủ tịch Hội đồng thi xử lý các trường hợp vi phạm hoặc vướng mắc phát sinh xảy ra trong quá trình thi;</i>	Làm rõ trách nhiệm của Ban coi thi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đối với việc xử lý vi phạm tại phòng thi.
b) Đề nghị Hội đồng thi, kiểm tra điều chỉnh kịp thời nếu phát hiện sai sót trong đề thi, kiểm tra ;	<i>c) Đề nghị Hội đồng thi điều chỉnh kịp thời nếu phát hiện sai sót trong đề thi;</i>	
c) Tổ chức, bố trí, sắp xếp thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra bảo đảm nguyên tắc mỗi môn thi, kiểm tra phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên;	<i>d) Tổ chức, bố trí, sắp xếp thành viên Ban coi thi, chấm thi bảo đảm nguyên tắc mỗi môn thi phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên;</i>	
d) Tập hợp kết quả chấm thi, kiểm tra và bàn giao cho Thư ký Hội đồng thi, kiểm tra .	<i>đ) Tập hợp kết quả chấm thi và bàn giao cho Thư ký Hội đồng thi.</i>	
Điều 13. Các môn thi, kiểm tra; hình thức thi, kiểm tra; thời gian thi, kiểm tra	Điều 14. Các môn thi; hình thức thi; thời gian thi	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Hội đồng thi, kiểm tra căn cứ ngân hàng câu hỏi do Cục Đường thủy nội địa Việt Nam ban hành để lựa chọn đề thi, kiểm tra bao gồm các môn thi, kiểm tra lý thuyết và thực hành.	1. Hội đồng thi căn cứ ngân hàng câu hỏi do <i>Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> ban hành để lựa chọn đề thi bao gồm các môn thi lý thuyết và thực hành.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; cập nhật cơ quan có thẩm quyền
2. Đối với môn thi lý thuyết tổng hợp:	2. Đối với môn thi lý thuyết tổng hợp:	
a) Hình thức thi, kiểm tra : trắc nghiệm trên máy vi tính ;	a) Hình thức thi: trắc nghiệm trên máy vi tính <i>hoặc trắc nghiệm trên giấy đối với khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số chưa có điều kiện tiếp xúc với công nghệ thông tin;</i>	Tạo điều kiện cho đồng bào khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số có chứng chỉ hành nghề,

		phục vụ quốc kế, dân sinh.
b) Thời gian thi, kiểm tra : tối đa 45 phút ;	b) Thời gian thi: tối đa 45 phút;	
c) Kết quả: đạt hoặc không đạt;	c) Kết quả: đạt hoặc không đạt;	
d) Mỗi đề có 30 (ba mươi) câu hỏi, làm đúng từ 25 (hai mươi lăm) câu trở lên thì đạt yêu cầu.	d) Mỗi đề có 30 (ba mươi) câu hỏi, làm đúng từ 25 (hai mươi lăm) câu trở lên thì đạt yêu cầu.	
3. Đối với môn thi lý thuyết chuyên môn:	3. Đối với môn thi lý thuyết chuyên môn:	
a) Hình thức thi: vấn đáp;	a) Hình thức thi: vấn đáp;	
b) Thời gian thi: tối đa 45 phút, thời gian thí sinh chuẩn bị không quá 30 phút, thời gian hỏi, đáp không quá 15 phút;	b) Thời gian thi: tối đa 45 phút, thời gian thí sinh chuẩn bị không quá 30 phút, thời gian hỏi, đáp không quá 15 phút;	
c) Kết quả: đạt hoặc không đạt.	c) Kết quả: đạt hoặc không đạt.	
4. Đối với các môn thi, kiểm tra thực hành:	4. Đối với các môn thi thực hành:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
a) Nội dung thi, kiểm tra : gồm các kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và xử lý các tình huống thường gặp trong thực tế;	a) Nội dung thi: gồm các kỹ năng cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và xử lý các tình huống thường gặp trong thực tế;	
b) Thời gian thi thuyên trưởng hạng nhất tối đa 120 phút ;	b) Thời gian thi thuyên trưởng hạng nhất tối đa 90 phút ;	Điều chỉnh cho sát với thực tế
c) Thời gian thi thuyên trưởng hạng nhì tối đa 90 phút ;	c) Thời gian thi thuyên trưởng hạng nhì tối đa 60 phút ;	Điều chỉnh cho sát với thực tế
d) Thời gian thi thuyên trưởng hạng ba tối đa 60 phút ;	d) Thời gian thi thuyên trưởng hạng ba tối đa 45 phút ;	Điều chỉnh cho sát với thực tế
đ) Thời gian thi thuyên trưởng hạng tư tối đa 45 phút ;	đ) Thời gian thi thuyên trưởng hạng tư tối đa 30 phút ;	Điều chỉnh cho sát với thực tế
e) Thời gian kiểm tra chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ lái	e) Thời gian thi chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ lái phương	

phương tiện và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt tối đa 30 phút;	tiện và chứng chỉ chuyên môn đặc biệt tối đa 30 phút;	
g) Máy trường hạng nhất, máy trường hạng nhì, máy trường hạng ba và chứng chỉ thợ máy không thi, kiểm tra môn thực hành;	g) Máy trường hạng nhất, máy trường hạng nhì, máy trường hạng ba và chứng chỉ thợ máy không thi môn thực hành;	
h) Kết quả: đạt hoặc không đạt;	h) Kết quả: đạt hoặc không đạt;	
i) Cách thức thi, kiểm tra : do Hội đồng thi, kiểm tra quyết định.	i) Cách thức thi: do Hội đồng thi quyết định.	
5. Ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học, thi, kiểm tra : bằng tiếng Việt.	5. Ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học, thi: bằng tiếng Việt.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
6. Nội quy thi, kiểm tra theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.	6. Nội quy thi theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
Chương IV	Chương IV	
CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	
Điều 14. Công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 15. Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này:	1. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này:	
a) Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra đối với những thí sinh thi, kiểm tra đạt yêu cầu về lý thuyết và thực hành;	a) Quyết định công nhận kết quả thi đối với những thí sinh thi đạt yêu cầu về lý thuyết và thực hành;	

b) Cấp GCNKNCM, CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra ;	b) Cấp GCNKNCM, CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định công nhận kết quả thi;	
c) Trực tiếp hoặc ủy quyền để cơ sở đào tạo nơi thí sinh đăng ký học, thi, trả GCNKNCM, CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu.	c) Trực tiếp hoặc ủy quyền để cơ sở đào tạo nơi thí sinh đăng ký học, thi, trả GCNKNCM, CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu.	
	2. Thí sinh tham gia học, có tên trong danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi của Hội đồng thi, trường hợp vắng thi có lý do được bảo lưu kết quả học tập và được tham gia vào các kỳ thi do cơ quan đó tổ chức trong thời gian tối đa 18 tháng. Quá thời gian trên, thí sinh phải dự học, thi lại chương trình tương ứng.	Làm rõ thời gian bảo lưu đối với trường hợp học viên vắng thi có lý do.
2. Thí sinh được bảo lưu kết quả thi, kiểm tra của môn đã đạt yêu cầu và được tham gia vào các kỳ thi, kiểm tra do cơ quan đó tổ chức trong thời gian 12 tháng.	3. Thí sinh được bảo lưu kết quả thi của môn đã đạt yêu cầu và được tham gia <i>thi lại tối đa 02 lần</i> vào các kỳ thi do cơ quan đó tổ chức trong thời gian <i>tối đa</i> 12 tháng. <i>Không bảo lưu kết quả thi đối với thí sinh dự thi để được cấp lại GCNKNCM do quá hạn từ 03 đến 12 tháng, trường hợp dự thi không đạt kết quả, thí sinh đăng ký cấp lại GCNKNCM theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.</i>	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi. Làm rõ nội dung không bảo lưu kết quả thi đối với trường hợp quá hạn GCNKNCM phải dự thi cấp lại, thí sinh đăng ký thi lại do quá hạn hồ sơ thực hiện như hồ sơ mới.
Điều 15. Xét cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 16. Xét cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Đối với chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:	1. Đối với chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:	
Có GCNKNCM hoặc chứng chỉ nghiệp vụ có tên trong sổ cấp của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.	<i>Có chứng chỉ sơ cấp nghề trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển, máy tàu thủy hoặc máy tàu biển hoặc có GCNKNCM hoặc chứng chỉ nghiệp vụ có tên trong sổ cấp của cơ quan có</i>	Bổ sung điều kiện được xét cấp CC huấn luyện ATCB. CC ATCB chỉ áp dụng đối với người

	thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này.	làm việc trên phương tiện thủy nội địa mà không phải thuyền viên, người lái.
2. Đối với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy:	2. Đối với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy:	
a) Có chứng chỉ sơ cấp nghề trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển, máy tàu thủy hoặc máy tàu biển;	a) Có chứng chỉ sơ cấp nghề trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển, máy tàu thủy hoặc máy tàu biển;	Điều chỉnh cho phù hợp với danh mục đào tạo
b) Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thủy thủ, thợ máy đủ 06 tháng trở lên.	b) Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thủy thủ, thợ máy đủ 06 tháng trở lên.	
3. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:	3. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:	
a) Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển, nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển;	a) Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển, nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển;	Điều chỉnh cho phù hợp với danh mục đào tạo
b) Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.	b) Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.	
4. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, máy trưởng hạng nhì:	4. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì, máy trưởng hạng nhì:	
a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển, nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển ;	a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển, nghề máy tàu thủy hoặc máy tàu biển;	Điều chỉnh cho phù hợp với danh mục đào tạo
b) Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng nhì, máy trưởng hạng nhì đủ 06 tháng trở lên.	b) Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng nhì, máy trưởng hạng nhì đủ 06 tháng trở lên.	
Điều 16. Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn,	Điều 17. Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn,	Đổi tên Điều cho phù

chứng chỉ chuyên môn	chứng chỉ chuyên môn	hợp với cấu trúc Thông tư
1. Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.	1. Người có GCNKNCM, CCCM bị <i>mất</i> , hỏng, <i>sai lệch thông tin hoặc có nhu cầu điều chỉnh thông tin</i> , có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM <i>hoặc đã có dữ liệu cấp GCNKNCM, CCCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> được cấp lại GCNKNCM, CCCM.	Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
2. Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:	2. Bằng thuyền trưởng, máy trưởng <i>có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng hoặc đã có dữ liệu trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.</i>	Cập nhật quy định cho phù hợp thời gian hiện tại; tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
a) Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, phải dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;		
b) Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, phải dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;		
c) Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.		

3. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:	3. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:	
a) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;	a) Người có GCNKNCM <i>còn hạn dưới 09 tháng hoặc</i> quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM <i>hoặc đã có dữ liệu GCNKNCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam,</i> được cấp lại GCNKNCM;	Cụ thể hóa thời gian có thể đổi GCNKNCM để thuận lợi trong thực thi và hạn chế việc thuyền viên đổi sớm. Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
b) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, phải dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;	b) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM <i>hoặc đã có dữ liệu GCNKNCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam,</i> phải dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;	Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
c) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, phải dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;	c) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM <i>hoặc đã có dữ liệu GCNKNCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam,</i> phải dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;	Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
d) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.	d) Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM <i>hoặc đã có dữ liệu GCNKNCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam,</i> phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp. <i>Trường hợp điều kiện dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng có sự thay đổi, hồ sơ của người</i>	Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ. Bổ sung trường hợp hồ sơ người học hiện tại không đáp ứng với quy

	<i>học không đáp ứng điều kiện hiện tại, được xem xét cấp lại GCNKNCM hạng thấp hơn nhưng phải dự học, thi lại chương trình tương ứng và đạt kết quả.</i>	định mới được xem xét học, cấp lại GCNKNCM hạng thấp hơn.
4. Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.	4. Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng <i>hoặc quá hạn dưới 03 tháng</i> bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM <i>hoặc đã có dữ liệu GCNKNCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> , không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM; <i>trường hợp dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính được liên thông, có thể tra cứu trực tuyến, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.</i>	Điều chỉnh thời hạn cho đồng bộ với trường hợp được cấp lại; giảm thời gian giải quyết TTHC, tạo điều kiện cho người dân trong trường hợp dữ liệu được đồng bộ, liên thông. Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
5. Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.	5. Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng <i>từ 03 tháng trở lên</i> bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM <i>hoặc đã có dữ liệu GCNKNCM trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> , không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì phải dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.	Điều chỉnh thời gian, tạo điều kiện đề NLTT được cấp lại trong trường hợp GCNKNCM quá hạn dưới 03 tháng. Tăng cường tra cứu, sử dụng dữ liệu để giảm thời gian xử lý nghiệp vụ.
6. Chứng chỉ chuyên môn:	6. Chứng chỉ chuyên môn:	
a) Người có chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ thủy thủ hạng nhất, chứng chỉ thủy thủ hạng nhì, chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ thủy thủ;	a) Người có chứng chỉ thủy thủ, chứng chỉ thủy thủ hạng nhất, chứng chỉ thủy thủ hạng nhì, chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ thủy thủ;	
b) Người có chứng chỉ thợ máy, chứng chỉ thợ máy hạng	b) Người có chứng chỉ thợ máy, chứng chỉ thợ máy hạng	

nhất, chứng chỉ thợ máy hạng nhì, chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ thợ máy;	nhất, chứng chỉ thợ máy hạng nhì, chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ thợ máy;	
c) Người có chứng chỉ lái phương tiện, chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì, chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện.	c) Người có chứng chỉ lái phương tiện, chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất, chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì, chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện.	
d) Người có chứng chỉ điều khiển phương tiện loại I, loại II tốc độ cao hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.	d) Người có chứng chỉ điều khiển phương tiện loại I, loại II tốc độ cao hoặc tương đương, được cấp lại chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.	
7. GCNKNCM, CCCM khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.	7. GCNKNCM, CCCM khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, <i>trường hợp cấp lại tại cơ quan không phải là cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM trước đó thì theo số của cơ quan cấp lại</i> , đồng thời cơ quan cấp phải <i>cập nhật dữ liệu cấp mới và hủy dữ liệu giá trị GCNKNCM, CCCM cũ trên phần mềm Quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> hoặc gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.	Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước
8. Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, quá tuổi lao động, đủ sức khỏe theo quy định, có nhu cầu thì được cấp chứng chỉ lái phương tiện nhưng không tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.	8. Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên, quá tuổi lao động, đủ sức khỏe theo quy định, có nhu cầu thì được cấp chứng chỉ lái phương tiện nhưng không tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.	
Điều 17. Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 18. Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Người có giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn còn thời hạn sử dụng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước	1. Người có giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn còn thời hạn sử dụng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có giấy tờ	

<p>ngoài có giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn còn thời hạn sử dụng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư này.</p>	<p>chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn còn thời hạn sử dụng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định tại Thông tư này.</p>	
<p>2. Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:</p>	<p>2. Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:</p>	
<p>a) Người có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng I, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng I đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;</p>	<p>a) Người có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng I, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng I đủ 24 tháng trở lên hoặc có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng I đủ 12 tháng trở lên và hoàn thành thời gian tập sự thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa đủ 12 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;</p>	<p>Tăng thời gian thâm niên đối với chứng chỉ tàu cá khi chuyển đổi sang GCNKNCM phương tiện thủy nội địa cho phù hợp với thời gian đào tạo tương ứng từ thủy thủ, thợ máy đường thủy nội địa; tạo điều kiện cho thuyền viên tàu cá có nhu cầu chuyển đổi sang GCNKNCM thủy nội địa với hình thức thực tập</p>
<p>b) Người có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng II, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng II đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải</p>	<p>b) Người có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng II, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng II đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;</p>	

đạt yêu cầu theo quy định;		
c) Người có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng III, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng III đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;	c) Người có văn bằng, chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng III, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng III đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng hạng tư, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu	
d) Người có văn bằng, chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng III, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng III đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;	d) Người có văn bằng, chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng III, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng III đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với máy trưởng hạng ba, dự thi các môn thi tương ứng với máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;	
đ) Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với thủy thủ, thợ máy, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với thủy thủ, thợ máy và phải đạt yêu cầu theo quy định;		Bỏ điểm này do quy định không có giá trị áp dụng vào thực tiễn
e) Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng III trở lên, quá tuổi lao động, đủ sức khỏe theo quy định, có nhu cầu thì được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện không hoạt động kinh doanh vận tải nhưng phải hoàn thành chương trình đào tạo nghề tương ứng với lái phương tiện, dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với lái phương tiện và phải đạt yêu cầu theo quy định.		Bỏ điểm này do quy định không có giá trị áp dụng vào thực tiễn

<p>3. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:</p>	<p>3. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:</p>	
<p>a) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa (trước khi đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhất phải hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng nhất trên phương tiện có trọng tải toàn phần trên 1000 tấn đủ 01 tháng trở lên).</p>	<p>a) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên, hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa đủ 01 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>GCKNKM thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện thủy nội địa có giá trị ngay sau khi được cấp, quy định thời gian thực tập bắt buộc trên phương tiện TND trước khi cấp GCNKNCM để bảo đảm người được cấp GCNKNCM đủ điều kiện hành nghề, cơ quan quản lý không phải kiểm soát thời gian tập sự sau khi cấp GCNKNCM.</p>
<p>b) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa;</p>	<p>b) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa;</p>	
<p>c) Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba hoặc hạng tư phương tiện thủy nội địa;</p>	<p>c) Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba</p>	<p>Bỏ nội dung GCNKNCM hạng tư phương tiện TND do không có giá trị thực tiễn; dồn điểm d vào</p>

	phương tiện thủy nội địa;	điểm c để thống nhất kết cấu văn bản
d) Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa;		Đã cập nhật nội dung vào điểm c khoản này
đ) Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy phương tiện thủy nội địa và được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển;	<i>d)</i> Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy phương tiện thủy nội địa và được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển;	
e) Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, quá tuổi lao động, đủ sức khỏe theo quy định, có nhu cầu thì được cấp chứng chỉ lái phương tiện nhưng không tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.	<i>đ)</i> Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên, quá tuổi lao động, đủ sức khỏe theo quy định, có nhu cầu thì được cấp chứng chỉ lái phương tiện nhưng không tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.	
g) Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;	<i>e)</i> Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển, chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển;	
h) Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm d khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.	<i>g)</i> Người có GCNKNCM máy trưởng tàu biển đã chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng nhất, nhì, ba phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a, b và điểm d khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.	
	<i>4. Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng phương tiện hàng hải, thủy nội địa làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:</i>	Bổ sung quy định chuyển đổi GCNKNCM, CCCM đối với phương

		<p>tiện làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhằm tận dụng nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là quân nhân, cán bộ xuất ngũ bổ sung cho nguồn nhân lực đường thủy nội địa.</p>
	<p><i>a) Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên được đào tạo ngành điều khiển tàu biển quân sự hoặc ngành máy tàu quân sự hoặc ngành kỹ thuật cơ khí động lực có bằng hoặc GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển quân sự, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển quân sự tương ứng đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;</i></p>	
	<p><i>b) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp được đào tạo ngành điều khiển tàu biển quân sự hoặc ngành máy tàu quân sự hoặc ngành kỹ thuật cơ khí động lực có bằng hoặc GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển quân sự, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển quân sự tương ứng đủ 18 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghề tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì, dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu</i></p>	

	<i>theo quy định;</i>	
	<i>c) Người có bằng hoặc GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển quân sự đã chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, nhì phương tiện thủy nội địa theo quy định tại các điểm a và b khoản này, được cấp chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển;</i>	
	<i>d) Người có bằng hoặc GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển quân sự, quá tuổi lao động, đủ sức khỏe theo quy định, có nhu cầu thì được cấp chứng chỉ lái phương tiện nhưng không tham gia hoạt động kinh doanh vận tải.</i>	
Chương V	Chương V	
HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỬ TỤC DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỬ TỤC DỰ HỌC, THI, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	
Điều 18. Hồ sơ và trình tự dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 19. Hồ sơ và trình tự dự học, thi để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Cá nhân có nhu cầu dự học, thi lấy GCNKNCM, kiểm tra lấy CCCM nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm:	1. Cá nhân có nhu cầu dự học, thi lấy GCNKNCM, CCCM nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ sở đào tạo. Hồ sơ bao gồm:	
a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;	a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;	
b) 02 (hai) ảnh màu hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 2x3 cm,	b) 02 (hai) ảnh màu hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 2x3 cm,	

nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;	nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;	
c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;	c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp;	Thống nhất dùng Giấy khám sức khỏe; đổi tên cơ sở y tế thành cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với Luật khám bệnh, chữa bệnh
d) Xuất trình bản chính để kiểm tra (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao có chứng thực (trong trường hợp gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc theo hình thức phù hợp khác) của các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư này.	d) Xuất trình bản chính để kiểm tra (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao có chứng thực (trong trường hợp gửi qua đường bưu chính hoặc theo hình thức phù hợp khác) của các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) và tài liệu liên quan khác , để chứng minh đủ điều kiện dự học , thi tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 18 của Thông tư này.	Bổ sung các tài liệu liên quan khác để chứng minh đủ điều kiện dự học, chuyên đổi. Bỏ hình thức nộp qua hệ thống DVC trực tuyến do quy trình nộp hồ sơ dự học, thi do cơ sở đào tạo tiếp nhận, thực hiện, không phải TTHC để tiếp nhận qua cổng DVC.
2. Trình tự thực hiện:	2. Trình tự thực hiện:	
Cơ sở đào tạo tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:	Cơ sở đào tạo tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:	
a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM; nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;	a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ hợp lệ thì viết giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi lấy GCNKNCM, CCCM; nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định thì trả lại và hướng dẫn cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;	
b) Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ	b) Trường hợp hồ sơ nhận qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ sở đào tạo phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung,	Bỏ hình thức nộp qua hệ thống DVC trực tuyến do hồ sơ dự học thi được gửi tới CSĐT nơi học

sở đào tạo phải có văn bản gửi cá nhân yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;	hoàn thiện hồ sơ;	viên đăng ký học, thi, CSĐT không phải cơ quan QLNN để tiếp nhận hồ sơ trên công DVC
c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ sở đào tạo gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM;	c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ sở đào tạo gửi giấy hẹn làm thủ tục dự học, thi lấy GCNKNCM, CCCM;	
d) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này tổ chức thi, kiểm tra và cấp GCNKNCM, CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi, kiểm tra ;	d) Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này tổ chức thi và cấp GCNKNCM, CCCM cho thí sinh đạt yêu cầu kỳ thi;	
đ) Cá nhân đề nghị dự thi, kiểm tra nộp phí, lệ phí theo quy định; khi dự thi, kiểm tra , nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc hộ chiếu.	đ) Cá nhân đề nghị dự thi nộp phí, lệ phí theo quy định; khi dự thi, nhận hoặc người có giấy ủy quyền nhận GCNKNCM, CCCM phải xuất trình căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử hoặc hộ chiếu.	
Điều 19. Hồ sơ và trình tự xét cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 20. Hồ sơ và trình tự xét cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Cá nhân có nhu cầu xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:	1. Cá nhân có nhu cầu xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Hồ sơ bao gồm:	
a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;	a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này;	

b) 02 (hai) ảnh màu hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;	b) 02 (hai) ảnh màu hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;	
c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;	c) Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp;	Đổi tên cơ sở y tế thành cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với Luật khám bệnh, chữa bệnh
d) Xuất trình bản chính để kiểm tra (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao (trong trường hợp gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) của các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 15, 16 và Điều 17 của Thông tư này.	d) Xuất trình bản chính để kiểm tra (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao (trong trường hợp gửi qua đường bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến) của các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với các loại giấy tờ chứng nhận về thuyền trưởng hoặc máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) và tài liệu liên quan khác , để chứng minh đủ điều kiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Điều 16, Điều 17 và Điều 18 của Thông tư này.	Đổi tên Điều cho phù hợp cấu trúc Thông tư; bổ sung tài liệu liên quan khác để làm căn cứ chứng minh đủ điều kiện thực hiện giải quyết TTHC.
2. Trình tự thực hiện:	2. Trình tự thực hiện:	
Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:	Cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:	
a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo thời hạn quy định tại điểm c khoản này; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;	a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả theo thời hạn quy định tại điểm c khoản này; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ;	
b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất 02 (hai)	b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời gian chậm nhất 02 (hai) ngày làm	

ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ (gửi bằng văn bản hoặc thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công);	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ (gửi bằng văn bản hoặc thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên hệ thống dịch vụ công);	
c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM đã nộp phí, lệ phí theo quy định, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Thông tư này.	c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc <i>(với hồ sơ thông thường) hoặc 30 ngày làm việc (với hồ sơ đề nghị cấp lại GCNKNCM do mất mà dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính chưa thể liên thông để có thể tra cứu trực tuyến)</i> , kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và người đề nghị xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM đã nộp phí, lệ phí theo quy định, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này thực hiện xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Thông tư này.	Làm rõ thời gian thực hiện giải quyết TTHC đối với trường hợp hồ sơ thông thường và hồ sơ đề nghị cấp lại GCNKNCM do mất (khoản 4 Điều 17 dự thảo)
Điều 20. Lưu trữ hồ sơ dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Điều 21. Lưu trữ hồ sơ dự học, thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này phải lưu trữ các giấy tờ sau:	1. Đối với cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 của Thông tư này phải lưu trữ các giấy tờ sau:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
a) Danh sách học viên đủ điều kiện dự học (Báo cáo số 1); kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2); bảng tổng hợp kết quả thi, kiểm tra (Báo cáo số 3);	a) Danh sách học viên đủ điều kiện dự học (Báo cáo số 1); kết quả học tập của học viên (Báo cáo số 2); bảng tổng hợp kết quả thi (Báo cáo số 3);	
b) Quyết định thành lập Hội đồng thi, kiểm tra ; Quyết định thành lập Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra và các giấy tờ liên quan đến Hội đồng thi, kiểm tra ; Quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp GCNKNCM, CCCM kèm theo danh sách cấp GCNKNCM, CCCM;	b) Quyết định thành lập Hội đồng thi; Quyết định thành lập Ban coi thi, chấm thi và các giấy tờ liên quan đến Hội đồng thi; Quyết định công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM, CCCM kèm theo danh sách cấp GCNKNCM, CCCM;	

c) Các biên bản họp Hội đồng;	c) Các biên bản họp Hội đồng;	
d) Sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM.	d) Sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM.	
2. Đối với cơ sở đào tạo, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, phải lưu trữ các giấy tờ sau:	2. Đối với cơ sở đào tạo, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, phải lưu trữ các giấy tờ sau:	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
a) Bảng kết quả kiểm tra các môn học, mô-đun;	a) Bảng kết quả kiểm tra các môn học, mô-đun;	
b) Kết quả thi, kiểm tra của thí sinh;	b) Kết quả thi của thí sinh;	
c) Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án lên lớp, các bài kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun.	c) Sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, giáo án lên lớp, các bài kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun.	
3. Đối với thí sinh phải lưu trữ các giấy tờ sau:	3. Đối với thí sinh phải lưu trữ các giấy tờ sau:	
a) Hồ sơ dự học, thi, kiểm tra , xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM của cá nhân;	a) Hồ sơ dự học, thi, xét cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM của cá nhân;	
b) Các loại bằng, GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cũ bị cắt góc (nếu có).	b) Các loại bằng, GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cũ bị cắt góc (nếu có).	
4. Thời gian lưu trữ hồ sơ:	4. Thời gian lưu trữ hồ sơ:	
a) Không thời hạn đối với sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM;	a) Không thời hạn đối với sổ cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM;	
b) Tối thiểu 02 năm đối với bài thi, kiểm tra và các tài liệu còn lại;	b) Tối thiểu 02 năm đối với bài thi, kiểm tra và các tài liệu còn lại;	
c) Việc hủy tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.	c) Việc hủy tài liệu hết giá trị theo quy định hiện hành.	
Chương VI	Chương VI	
TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ COI THI, CHẤM THI, COI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA; NỘI DUNG TẬP HUẤN, KIỂM TRA; XỬ LÝ VI PHẠM TRONG COI THI, CHẤM THI, COI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA	TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ COI THI, CHẤM THI; NỘI DUNG TẬP HUẤN, KIỂM TRA; XỬ LÝ VI PHẠM TRONG COI THI, CHẤM THI	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi

Điều 21. Ngành, loại, hạng trong thực hiện coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra	Điều 22. Ngành, loại, hạng trong thực hiện coi thi, chấm thi	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Ngành:	1. Ngành:	
a) Điều khiển phương tiện, ký hiệu là T: được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra ngành điều khiển phương tiện;	a) Điều khiển phương tiện, ký hiệu là T: được coi thi, chấm thi ngành điều khiển phương tiện;	
b) Máy phương tiện, ký hiệu là M: được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra ngành máy phương tiện.	b) Máy phương tiện, ký hiệu là M: được coi thi, chấm thi ngành máy phương tiện.	
2. Loại:	2. Loại:	
a) Lý thuyết tổng hợp: ký hiệu là LTTH, được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra môn lý thuyết tổng hợp;	a) Lý thuyết tổng hợp: ký hiệu là LTTH, được coi thi, chấm thi môn lý thuyết tổng hợp;	
b) Lý thuyết chuyên môn: ký hiệu là LTCM, được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra môn lý thuyết chuyên môn và môn lý thuyết tổng hợp;	b) Lý thuyết chuyên môn: ký hiệu là LTCM, được coi thi, chấm thi môn lý thuyết chuyên môn và môn lý thuyết tổng hợp;	
c) Thực hành: ký hiệu là TH, được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra thực hành;	c) Thực hành: ký hiệu là TH, được coi thi, chấm thi thực hành;	
d) Lý thuyết - thực hành: ký hiệu là LT - TH, được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra cả lý thuyết và thực hành.	d) Lý thuyết - thực hành: ký hiệu là LT - TH, được coi thi, chấm thi cả lý thuyết và thực hành.	
3. Hạng:	3. Hạng:	
a) Hạng nhất, ký hiệu là 1: được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đến thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;	a) Hạng nhất, ký hiệu là 1: được coi thi, chấm thi đến thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;	

<p>b) Hạng nhì, ký hiệu là 2: được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đến thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba.</p>	<p>b) Hạng nhì, ký hiệu là 2: được coi thi, chấm thi đến thuyền trưởng, máy trưởng hạng <i>nhì</i>.</p>	<p>Sửa đổi để không để trống khoảng coi, chấm tương ứng với hạng nhì</p>
	<p><i>c) Hạng ba, ký hiệu là 3: được coi thi, chấm thi đến thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba.</i></p>	<p>Bổ sung để phủ hết loại hạng được coi, chấm thi tương ứng.</p>
<p>Điều 22. Tiêu chuẩn tham dự tập huấn nghiệp vụ để được thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra</p>	<p>Điều 23. Tiêu chuẩn tham dự tập huấn nghiệp vụ để được thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi</p>	<p>Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi</p>
<p>1. Đối với người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra lý thuyết tổng hợp: tốt nghiệp trung cấp trở lên.</p>	<p>1. Đối với người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, lý thuyết tổng hợp: tốt nghiệp trung cấp trở lên.</p>	
<p>2. Đối với người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra lý thuyết chuyên môn: tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành điều khiển tàu thủy hoặc điều khiển tàu biển, ngành máy tàu thủy hoặc máy tàu biển, đã tham gia giảng dạy hoặc làm việc trong lĩnh vực đường thủy nội địa từ 12 tháng trở lên.</p>	<p>2. Đối với người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi lý thuyết chuyên môn: tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành điều khiển <i>phương tiện thủy nội địa</i> hoặc điều khiển tàu biển, ngành máy tàu thủy hoặc máy tàu biển, đã tham gia giảng dạy hoặc làm việc trong lĩnh vực đường thủy nội địa từ 12 tháng trở lên.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp danh mục ngành nghề đào tạo</p>
<p>3. Đối với người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra thực hành: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên và có GCNKNCM thuyền trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với GCNKNCM đăng ký tham dự tập huấn, kiểm tra; trường hợp tham dự tập huấn để được thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi thực hành thuyền trưởng hạng nhất phải có GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhất từ 24 tháng trở lên.</p>	<p>3. Đối với người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi thực hành: <i>có bằng</i> tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên <i>hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành điều khiển phương tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển</i> và có GCNKNCM thuyền trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với GCNKNCM đăng ký tham dự tập huấn, kiểm tra; trường hợp tham dự tập huấn để được thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi thực hành thuyền trưởng hạng nhất phải <i>có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành điều khiển phương</i></p>	<p>Quy định cụ thể trình độ văn hoá của học viên, hạn chế cách hiểu không thống nhất khi thực hiện, bổ sung trình độ chuyên môn chuyên ngành để nâng cao chất lượng giám khảo đặc biệt đối với giám khảo coi, chấm</p>

	<i>tiện thủy nội địa hoặc điều khiển tàu biển</i> , có GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhất từ 24 tháng trở lên <i>hoặc có thời gian đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng hạng nhất từ 12 tháng trở lên và tham gia giảng dạy thực hành thuyền trưởng tại các cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa từ 12 tháng trở lên.</i>	Thực hành thuyền trưởng hạng nhất. Khuyến khích giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy và có thâm niên được tham gia coi, chấm thực hành hạng nhất.
Điều 23. Tập huấn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra	Điều 24. Tập huấn nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra phải tham dự tập huấn nghiệp vụ tương ứng với từng ngành, loại, hạng theo quy định của Thông tư này.	1. Người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi phải tham dự tập huấn nghiệp vụ tương ứng với từng ngành, loại, hạng theo quy định của Thông tư này.	
2. Nội dung tập huấn: giới thiệu, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan và ôn luyện kỹ năng thực hành ngành điều khiển và ngành máy ; tiếp cận việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	2. Nội dung tập huấn: giới thiệu, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan và ôn luyện kỹ năng thực hành ngành điều khiển; tiếp cận việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.	Bỏ nội dung thực hành ngành máy do nội dung này hiện đã không quy định phải thi thực hành.
3. Danh sách đăng ký tham dự lớp tập huấn nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.	3. Danh sách đăng ký tham dự lớp tập huấn nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư này.	
Điều 24. Công bố danh sách người hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đạt yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra	Điều 25. Công bố danh sách người hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đạt yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi và trường hợp được đặc cách thực hiện nhiệm vụ	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra

	<i>coi thi, chấm thi.</i>	để thống nhất một tên gọi; bổ sung quy định về các trường hợp được đặc cách
1. Người hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đạt yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường Thủy nội địa Việt Nam.	1. Người hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ đạt yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi được công bố trên Cổng thông tin điện tử của <i>Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.</i>	
2. Người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra chỉ được coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đúng ngành, loại, hạng đã được tập huấn.	2. Người thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi chỉ được coi thi, chấm thi đúng ngành, loại, hạng đã được tập huấn.	
	<i>3. Các thành viên trong ban chỉ đạo, tổ soạn thảo nội dung, tổ báo cáo viên, tổ coi, chấm tập huấn của lớp tập huấn, trường hợp đáp ứng tiêu chuẩn tham dự tập huấn nghiệp vụ quy định tại Điều 23 Thông tư này, sau khi hoàn thành nhiệm vụ tổ chức lớp tập huấn, được đặc cách công bố đạt yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ coi thi, chấm thi tương ứng với đúng ngành, loại, hạng đủ tiêu chuẩn.</i>	Bổ sung trường hợp được đặc cách nghiệp vụ đối với thành viên Ban chỉ đạo và thành viên các Tổ nghiệp vụ của Lớp tập huấn.
Điều 25. Xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra	Điều 26. Xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Không được thực hiện coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra trong thời hạn 03 tháng khi vi phạm một trong các quy định dưới đây:	1. Không được thực hiện coi thi, chấm thi trong thời hạn 03 tháng khi vi phạm một trong các quy định dưới đây:	
a) Có thái độ, hành vi ứng xử không đúng mực khi tham gia công tác coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra;	a) Có thái độ, hành vi ứng xử không đúng mực khi tham gia công tác coi thi, chấm thi;	
b) Không kiểm tra việc chấp hành nội quy thi, kiểm tra;	b) Không kiểm tra việc chấp hành nội quy thi; danh sách thí	

danh sách thí sinh dự thi, kiểm tra ; điều kiện an toàn phòng thi, kiểm tra ; điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị phục vụ kỳ thi, kiểm tra ;	sinh dự thi; điều kiện an toàn phòng thi; điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị phục vụ kỳ thi;	
c) Không báo cáo Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra khi các quy định về điều kiện an toàn phòng thi, kiểm tra ; điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị phục vụ kỳ thi, kiểm tra không đảm bảo theo quy định;	c) Không báo cáo Trưởng ban coi thi, chấm thi khi các quy định về điều kiện an toàn phòng thi; điều kiện an toàn của phương tiện, thiết bị phục vụ kỳ thi không đảm bảo theo quy định;	
d) Không chấp hành sự phân công của Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra ;	d) Không chấp hành sự phân công của Trưởng ban coi thi, chấm thi;	
đ) Làm việc riêng, uống rượu, bia hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng trong khi tham gia công tác coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra ;	đ) Làm việc riêng, uống rượu, bia hoặc sử dụng các chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng trong khi tham gia công tác coi thi, chấm thi;	
e) Tự ý làm những công việc không được phân công;	e) Tự ý làm những công việc không được phân công;	
g) Không kiểm tra kỹ bài thi, kiểm tra dẫn đến thiếu sót các nội dung liên quan bài thi, kiểm tra khi bàn giao bài thi, kiểm tra cho thư ký Hội đồng thi, kiểm tra .	g) Không kiểm tra kỹ bài thi dẫn đến thiếu sót các nội dung liên quan bài thi khi bàn giao bài thi cho thư ký Hội đồng thi.	
2. Không được thực hiện coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra trong thời hạn 06 tháng khi vi phạm một trong các quy định dưới đây:	2. Không được thực hiện coi thi, chấm thi trong thời hạn 06 tháng khi vi phạm một trong các quy định dưới đây:	
a) Không báo cáo Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đề nghị Hội đồng thi, kiểm tra điều chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót trong đề thi, kiểm tra ;	a) Không báo cáo Trưởng ban coi thi, chấm thi đề nghị Hội đồng thi điều chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót trong đề thi;	
b) Coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra không bảo đảm nguyên tắc mỗi môn thi, kiểm tra phải có tối thiểu 02 thành viên;	b) Coi thi, chấm thi không bảo đảm nguyên tắc mỗi môn thi phải có tối thiểu 02 thành viên;	
c) Trợ giúp thí sinh dưới mọi hình thức;	c) Trợ giúp thí sinh dưới mọi hình thức;	

d) Để xảy ra xô xát, va chạm, tai nạn trong khi coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra do nguyên nhân chủ quan;	d) Để xảy ra xô xát, va chạm, tai nạn trong khi coi thi, chấm thi do nguyên nhân chủ quan;	
đ) Không tập hợp kết quả chấm thi, kiểm tra và bàn giao cho thư ký Hội đồng thi, kiểm tra ;	đ) Không tập hợp kết quả chấm thi và bàn giao cho thư ký Hội đồng thi;	
e) Bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này 02 (hai) lần trong thời gian 12 tháng.	e) Bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều này 02 (hai) lần trong thời gian 12 tháng.	
3. Không được thực hiện coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra trong thời hạn 12 tháng khi vi phạm một trong các quy định dưới đây:	3. Không được thực hiện coi thi, chấm thi trong thời hạn 12 tháng khi vi phạm một trong các quy định dưới đây:	
a) Không thực hiện đúng nội dung, quy trình và thủ tục của kỳ thi, kiểm tra theo quy định hiện hành;	a) Không thực hiện đúng nội dung, quy trình và thủ tục của kỳ thi theo quy định hiện hành;	
b) Chấm thi, kiểm tra không chính xác làm ảnh hưởng đến kết quả thi, kiểm tra của thí sinh;	b) Chấm thi không chính xác làm ảnh hưởng đến kết quả thi của thí sinh;	
c) Bao che cho những hành vi sai phạm, tiêu cực;	c) Bao che cho những hành vi sai phạm, tiêu cực;	
d) Có biểu hiện tiêu cực làm sai lệch kết quả thi, kiểm tra ;	d) Có biểu hiện tiêu cực làm sai lệch kết quả thi;	
đ) Bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều này 02 (hai) lần trong thời gian 12 tháng.	đ) Bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều này 02 (hai) lần trong thời gian 12 tháng.	
4. Hủy kết quả công nhận thực hiện coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra khi bị xử lý vi phạm 02 (hai) lần theo quy định tại khoản 3 Điều này.	4. Hủy kết quả công nhận thực hiện coi thi, chấm thi khi bị xử lý vi phạm 02 (hai) lần theo quy định tại khoản 3 Điều này.	
Điều 26. Thẩm quyền xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra	Điều 27. Thẩm quyền xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra đình chỉ thực hiện	1. Chủ tịch Hội đồng thi đình chỉ thực hiện nhiệm vụ coi thi,	

<p>nhiệm vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 25 của Thông tư này và báo cáo, kiến nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam xử lý sau khi kết thúc kỳ thi, kiểm tra.</p>	<p>chấm thi đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 của Thông tư này và báo cáo, kiến nghị Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xử lý sau khi kết thúc kỳ thi.</p>	
<p>2. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra theo quy định tại Điều 25 của Thông tư này.</p>	<p>2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam thực hiện xử lý vi phạm đối với thành viên Ban coi thi, chấm thi trên cơ sở báo cáo, kiến nghị của Chủ tịch Hội đồng thi theo quy định tại Điều 26 của Thông tư này.</p>	
<p>Chương VII</p>	<p>Chương VII</p>	
<p>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	<p>ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</p>	
<p>Điều 27. Chế độ báo cáo</p>	<p>Điều 28. Chế độ báo cáo</p>	<p>Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư;</p>
<p>1. Định kỳ hằng tháng các cơ sở đào tạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu, chi tiết báo cáo như sau:</p>	<p>1. Định kỳ hằng tháng các cơ sở đào tạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu, chi tiết báo cáo như sau:</p>	<p>Cập nhật theo Thông tư 09/2025/TT-BXD. Nghiên cứu bỏ chế độ báo cáo khi có phần mềm quản lý + CSDL.</p>
<p>a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện;</p>	<p>a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện;</p>	
<p>b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác</p>	<p>b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác</p>	

cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;	cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này;	
c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;	c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;	
d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng tháng;	d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng tháng;	
đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 18 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	
e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	
g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.	g) Mẫu đề cương báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này.	
2. Định kỳ hàng tháng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu, chi tiết báo cáo như sau:	2. Định kỳ hàng tháng, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này báo cáo Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện theo phạm vi trách nhiệm được giao quản lý vào cơ sở dữ liệu, chi tiết báo cáo như sau:	Cập nhật theo Thông tư 09/2025/TT-BXD
a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện;	a) Tên báo cáo: Báo cáo kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện;	

b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện;	b) Nội dung báo cáo: Các nội dung liên quan đến đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ thuyền viên và cập nhật dữ liệu về thông tin của thuyền viên, người lái phương tiện;	
c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;	c) Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử. Báo cáo được gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau: gửi trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính, fax, qua hệ thống thư điện tử, hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật;	
d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng tháng;	d) Tần suất báo cáo: Định kỳ hàng tháng;	
đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	đ) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	
e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	e) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo;	
g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.	g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.	
g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.	g) Mẫu báo cáo: Theo quy định tại Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư này.	
Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp	Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư; bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
1. Thẻ coi thi, chấm thi được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực còn thời hạn sử dụng được tiếp tục sử dụng đến hết thời hạn của thẻ. Trường hợp thẻ coi thi, chấm thi hết		Hiện tại đã không còn quy định cấp Thẻ coi thi, chấm thi, chỉ là Quyết

<p>thời hạn, người có thể coi thi, chấm thi có nhu cầu tiếp tục thực hiện coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra phải tham gia tập huấn, kiểm tra tương ứng với từng ngành, loại, hạng theo quy định tại Thông tư này.</p>		<p>định người hoàn thành lớp tập huấn</p>
<p>2. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa.</p>	<p>1. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng, <i>hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính</i> được tổ chức, <i>tiếp nhận</i> trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của <i>Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa; Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý</i></p>	

	<p><i>nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.</i></p> <p><i>2. Sau 24 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, thời gian đảm nhiệm chức danh, thời gian tập sự, thời gian làm việc trên phương tiện phải được xác nhận (trong trường hợp chưa có phương thức quản lý điện tử để tra cứu trực tuyến) theo biểu mẫu kèm theo Đơn đề nghị tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư này.</i></p>	Bổ sung điều khoản chuyển tiếp đối với việc xác nhận thời gian đảm nhiệm chức danh, thời gian tập sự, thời gian làm việc trên phương tiện theo biểu mẫu kèm theo đơn đề nghị
<p>3. Trong thời gian kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến ngày 01 tháng 01 năm 2025, nếu Sở Giao thông vận tải quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này chưa thực hiện được nhiệm vụ tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất, hạng nhì, quyết định công nhận kết quả kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi CCCM đặc biệt thì có văn bản đề nghị Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tiếp tục thực hiện.</p>		Đã thực hiện phân cấp triệt để các Sở Xây dựng làm, Cục HHĐTVN không làm thay nhiệm vụ.
Điều 29. Tổ chức thực hiện	Điều 30. Tổ chức thực hiện	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
1. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm:	1. <i>Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i> có trách nhiệm:	
a) Tổ chức thực hiện Thông tư này;	a) Tổ chức thực hiện Thông tư này;	
b) <i>Thực hiện kiểm tra công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi cả nước;</i>	b) Thực hiện kiểm tra công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi cả nước;	
e) In, phát hành và quản lý thống nhất việc sử dụng phôi GCNKNCM, CCCM trong phạm vi toàn quốc;		Đã phân cấp về Sở Xây dựng các tỉnh
d) Xây dựng nội dung tập huấn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ	c) Xây dựng nội dung tập huấn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ	Bỏ nội dung kiểm tra để

vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra ;	coi thi, chấm thi;	thống nhất một tên gọi
đ) Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra và đáp án theo nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; xây dựng mẫu giấy thi, kiểm tra ;	<i>d) Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi và đáp án theo nội dung, chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</i>	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi; mẫu giấy thi theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.
e) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đạt yêu cầu tương ứng với từng ngành, loại, hạng trên Cổng thông tin điện tử của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;	<i>đ) Đăng tải danh sách người đã hoàn thành lớp tập huấn nghiệp vụ coi thi, chấm thi đạt yêu cầu tương ứng với từng ngành, loại, hạng trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;</i>	Bỏ nội dung kiểm tra để thống nhất một tên gọi
g) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý trong công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;	<i>e) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý trong công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</i>	
h) Hướng dẫn sử dụng phần mềm thi, kiểm tra môn lý thuyết tổng hợp thống nhất trên phạm vi cả nước.	<i>g) Tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, cụ thể: chủ trì xây dựng, duy trì, quản lý, vận hành, nâng cấp các Hệ thống thông tin tổ chức thi và cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn lĩnh vực đường thủy nội địa cho các cơ quan, đơn vị liên quan trên toàn quốc; tổ chức đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm nghiệp vụ; triển khai các phương án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống theo các quy định của pháp luật.</i>	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; bổ sung chức năng xây dựng phần mềm áp dụng dùng chung trên cả nước của Cục HHĐTVN phục vụ quản lý.
2. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này:	2. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này:	
a) Tổ chức thực hiện Thông tư này;	a) Tổ chức thực hiện Thông tư này;	
	<i>b) Thực hiện kiểm tra công tác đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Sở Xây dựng cấp phép</i>	Bổ sung chức năng kiểm tra các CSĐT do Sở Xây

	<i>hoặc quản lý theo phân cấp, uỷ quyền;</i>	dựng cấp phép, quản lý theo phân cấp (chức năng có từ Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT tuy nhiên không được nhắc đến tại Thông tư số 09/2025/TT-BXD)
	<i>c) Bảo đảm cơ sở hạ tầng, an toàn, an ninh thông tin để tổ chức triển khai sử dụng các phần mềm nghiệp vụ tổ chức thi, quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xây dựng.</i>	
b) Chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;	<i>d) Chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;</i>	
c) In và phát hành phôi GCNKNCM, CCCM trong địa bàn quản lý theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, bảo đảm phôi có các dấu hiệu bảo mật, đánh số seri, quản lý chặt chẽ phôi và lưu trữ thông tin theo quy định.	<i>đ) In, phát hành và quản lý thống nhất việc sử dụng phôi GCNKNCM, CCCM trong địa bàn quản lý.</i>	Sử dụng quy định cũ tại Thông tư 40/2019/TT-BGTVT để thuận lợi cho các Sở Xây dựng chủ động triển khai trong thực tế. Việc quy định bảo mật phụ do các Sở tự chủ động căn cứ trên điều kiện thực tế của địa phương.
3. Cơ sở đào tạo:	3. Cơ sở đào tạo:	
a) Chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này;	a) Chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này;	
	<i>b) Căn cứ vào nội dung, chương trình đào tạo cấp GCNKNCM, CCCM được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, cơ sở đào tạo có trách nhiệm xây dựng nội dung, chương trình đào tạo chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ</i>	Bổ sung quy định CSĐT xây dựng nội dung, chương trình đào tạo đối với chứng chỉ huấn

	<i>bản; ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; thường xuyên cập nhật giáo trình, tài liệu giảng dạy bảo đảm nguyên tắc kế thừa phù hợp điều kiện thực tế.</i>	luyện an toàn cơ bản; Thông tư 64/2024/TT-BGTVT hiện chưa quy định đối với chung trình HLATCB. Phân cấp CSĐT chủ động xây dựng và ban hành giáo trình, tài liệu giảng dạy.
<i>h) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu, đảm bảo chất lượng theo quy định;</i>	<i>c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu, đảm bảo chất lượng theo quy định;</i>	
<i>e) Chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền.</i>	<i>d) Chịu sự kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này và cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền;</i>	
	<i>đ) Bảo đảm cơ sở hạ tầng, an toàn, an ninh thông tin để tổ chức triển khai sử dụng các phần mềm nghiệp vụ tổ chức thi, quản lý thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam xây dựng;</i>	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin
	<i>e) Đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử dữ liệu CCCM do cơ sở mình cấp, bảo đảm thể hiện đầy đủ thông tin theo số cấp;</i>	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin
	<i>g) Trường hợp dừng hoạt động hoặc giải thể, cơ sở đào tạo phải thực hiện bàn giao dữ liệu cấp CCCM tới cơ quan liên quan để phục vụ quản lý và truy xuất dữ liệu, cụ thể: trường hợp cơ sở đào tạo trực thuộc cơ quan chủ quản, khi cơ sở đào tạo chấm dứt hoạt động, trả hoặc bị thu hồi Giấy phép hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa mà cơ quan chủ quản vẫn hoạt động, dữ liệu</i>	Bổ sung quy định cụ thể với trường hợp CSĐT đề nghị giải thể hoặc trả lại GCN để có cơ sở thực hiện trong thực tế

	<i>được bàn giao tới cơ quan chủ quản để quản lý, lưu trữ, khai thác; trường hợp cơ sở đào tạo hoạt động độc lập, không có cơ quan chủ quản, khi cơ sở đào tạo chấm dứt hoạt động, trả hoặc bị thu hồi Giấy phép hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa, dữ liệu được bàn giao tới Sở Xây dựng để quản lý, lưu trữ, khai thác.</i>	
	4. Chủ phương tiện, các doanh nghiệp vận tải thủy nội địa:	Bổ sung trách nhiệm của Chủ phương tiện, các doanh nghiệp vận tải
	a) Chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này;	
	b) Tạo điều kiện thuận lợi cho học viên, thuyền viên, người lái, người làm việc trên phương tiện thủy nội địa được làm việc, thực hành, tập sự trên phương tiện, doanh nghiệp; xác nhận đầy đủ thời gian làm việc, đảm nhiệm chức danh, thực hành, tập sự của học viên, thuyền viên, người lái, người làm việc trên phương tiện thủy nội địa, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung xác nhận;	Xác định trách nhiệm của chủ phương tiện trong việc tạo điều kiện cho học viên, thuyền viên, người lái được làm việc, thực hành, tập sự trên phương tiện và xác nhận thời gian tương ứng
	c) Phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức tập huấn, bổ sung kiến thức an toàn cơ bản định kỳ cho người làm việc trên phương tiện thủy nội địa.	Xác định trách nhiệm của chủ phương tiện trong việc tập huấn cập nhật kiến thức thường xuyên cho người làm việc trên PT
Điều 30. Hiệu lực thi hành	Điều 31. Hiệu lực thi hành	Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư
Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020.	Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2026. Bãi	

<p>Bãi bỏ Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa và Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa.</p>	<p><i>bỏ Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Điều 9 Thông tư số 35/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực đường thủy nội địa; Điều 2 Thông tư số 64/2024/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa và quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và Điều 19 Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương.</i></p>	
<p>Điều 31. Trách nhiệm thi hành</p>	<p>Điều 32. Trách nhiệm thi hành</p>	<p>Đổi tên Điều cho phù hợp với cấu trúc Thông tư</p>

<p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	<p>Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, <i>Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam</i>, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	

BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO PHỤ LỤC

<p>Phụ lục I MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VÀ MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025</i> <i>của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i></p>	<p>Phụ lục I MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VÀ MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026</i> <i>của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i></p>
I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN	I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN
1. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng	1. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng
<p>Mặt ngoài</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; text-align: center;"> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>QUỐC HUY</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THUYỀN TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA</p> <p><small>(Hình mô neo)</small></p> <p>AC 00000000</p> </div>	<p>Mặt trong</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px;"> <p style="text-align: center;">UBND... SỞ XÂY DỰNG</p> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">Hạng: ... (1) ...</p> <p>Họ và tên: (2)</p> <p>Ngày sinh: (3)</p> <p>Nơi cư trú: (4)</p> <p style="text-align: right;">(5)... ngày tháng năm (6) Chức danh người ký (7)</p> <p style="text-align: center;">Tên người ký (8)</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin: 5px auto; width: 40px; text-align: center;"> <p>Anh 2x3 cm (đóng dấu nổi), ảnh chụp không quá 06 tháng</p> </div> <p>Số: (9) Cấp lần đầu: (10) Có giá trị đến: (11)</p> </div>
<p>Mặt ngoài</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; text-align: center;"> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>QUỐC HUY</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN THUYỀN TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA</p> <p><small>(Hình mô neo)</small></p> <p>AC 00000000</p> </div>	<p>Mặt trong</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px;"> <p style="text-align: center;">UBND... SỞ XÂY DỰNG</p> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p style="text-align: center;">Hạng: ... (1) ...</p> <p>Họ và tên: (2)</p> <p>Ngày sinh: (3)</p> <p>Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu: (4)</p> <p style="text-align: right;">(5)... ngày tháng năm (6) Chức danh người ký (7)</p> <p style="text-align: center;">Tên người ký (8)</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 2px; margin: 5px auto; width: 40px; text-align: center;"> <p>Anh 2x3 cm (đóng dấu nổi), ảnh chụp không quá 06 tháng</p> </div> <p>Số: (9) Cấp lần đầu: (10) Có giá trị đến: (11)</p> </div>

2. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng

<p>Mặt ngoài</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>QUỐC HUY</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THUY NỘI ĐỊA</p> <p>(Hình mô neo)</p> <p>BC 00000000</p>	<p>Mặt trong</p> <p>UBND... SỞ XÂY DỰNG</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>Hạng:(1)....</p> <p>Họ và tên:(2)</p> <p>Ngày sinh:(3)</p> <p>Nơi cư trú:(4)</p> <p>.....</p> <p>(5)... ngày tháng năm (6)</p> <p>Chức danh người ký (7)</p> <p>Số: (9)</p> <p>Cấp lần đầu: (10)</p> <p>Có giá trị đến: (11)</p> <p>Tên người ký (8)</p>
---	---

2. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng

<p>Mặt ngoài</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>QUỐC HUY</p> <p>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN MÁY TRƯỞNG PHƯƠNG TIỆN THUY NỘI ĐỊA</p> <p>(Hình mô neo)</p> <p>BC 00000000</p>	<p>Mặt trong</p> <p>UBND... SỞ XÂY DỰNG</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>Hạng:(1)....</p> <p>Họ và tên:(2)</p> <p>Ngày sinh:(3)</p> <p>Số ĐBCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:(4)</p> <p>.....</p> <p>(5)... ngày tháng năm (6)</p> <p>Chức danh người ký (7)</p> <p>Số: (9)</p> <p>Cấp lần đầu: (10)</p> <p>Có giá trị đến: (11)</p> <p>Tên người ký (8)</p>
---	--

3. Mẫu chứng chỉ chuyên môn

<p>Mặt ngoài</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>QUỐC HUY</p> <p>CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PHƯƠNG TIỆN THUY NỘI ĐỊA</p> <p>(Hình mô neo)</p> <p>CC 00000000</p>	<p>Mặt trong</p> <p>UBND... SỞ XÂY DỰNG</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>Hạng:(1)....</p> <p>Họ và tên:(2)</p> <p>Ngày sinh:(3)</p> <p>Nơi cư trú:(4)</p> <p>.....</p> <p>(5)... ngày tháng năm (6)</p> <p>Chức danh người ký (7)</p> <p>Số: (9)</p> <p>Cấp lần đầu: (10)</p> <p>Tên người ký (8)</p>
---	---

3. Mẫu chứng chỉ chuyên môn

<p>Mặt ngoài</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>QUỐC HUY</p> <p>CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PHƯƠNG TIỆN THUY NỘI ĐỊA</p> <p>(Hình mô neo)</p> <p>CC 00000000</p>	<p>Mặt trong</p> <p>UBND... SỞ XÂY DỰNG</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>Hạng:(1)....</p> <p>Họ và tên:(2)</p> <p>Ngày sinh:(3)</p> <p>Số ĐBCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:(4)</p> <p>.....</p> <p>(5)... ngày tháng năm (6)</p> <p>Chức danh người ký (7)</p> <p>Số: (9)</p> <p>Cấp lần đầu: (10)</p> <p>Tên người ký (8)</p>
---	--

4. Nội dung giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

(1): Hạng GCNKNCM, loại CCCM (T3, M3, LPT,...): phông chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(2): Họ và tên: ghi rõ họ, chữ đậm, tên, phông chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(3): Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh, phông chữ Times New Roman

4. Nội dung giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

(1): Hạng GCNKNCM, loại CCCM (T3, M3, LPT,...): phông chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(2): Họ và tên: ghi rõ họ, chữ đậm, tên, phông chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(3): Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh, phông chữ Times New Roman

chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(4): ~~Nơi cư trú:~~ ghi xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố), phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(5): Tỉnh, thành phố: nơi cơ quan có thẩm quyền cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 8.

(6): Ngày.....tháng..... năm: ngày ký cấp GCNKNCM, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(7): Chức danh người ký: phong chữ Times New Roman chữ hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(8): Tên người ký: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(9): Số thứ tự của GCNKNCM, CCCM và mã hiệu vùng của cơ quan cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm cỡ chữ 10.

- Số thứ tự: đánh số theo tuần tự bắt đầu từ số 000000 01;

- Mã hiệu vùng của GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Mục II của Phụ lục này:

+ GCNKNCM, CCCM do Sở Xây dựng cấp ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 AG; Số CCCM: 00000001 AG

+ GCNKNCM, CCCM do cơ sở đào tạo cấp ghi tên viết tắt của cơ sở đào tạo và ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 ĐTI.HD; Số CCCM: 00000001 ĐTI.SG

(10): Cấp lần đầu: ghi ngày/tháng/năm của GCNKNCM, CCCM đã được cấp lần đầu tiên; phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(11): Có giá trị đến: phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Nếu người có GCNKNCM có tuổi lao động ngắn hơn 5 năm thì ghi hạn đến ngày (tháng) sinh nhật.

chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(4): **Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu: ghi số Định danh cá nhân, số Căn cước công dân, số Thẻ căn cước, số Hộ chiếu**, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(5): Tỉnh, thành phố: nơi cơ quan có thẩm quyền cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 8.

(6): Ngày.....tháng..... năm: ngày ký cấp GCNKNCM, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(7): Chức danh người ký: phong chữ Times New Roman chữ hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(8): Tên người ký: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(9): Số thứ tự của GCNKNCM, CCCM và mã hiệu vùng của cơ quan cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm cỡ chữ 10.

- Số thứ tự: đánh số theo tuần tự bắt đầu từ số 000000 01;

- Mã hiệu vùng của GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Mục II của Phụ lục này:

+ GCNKNCM, CCCM do Sở Xây dựng cấp ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 AG; Số CCCM: 00000001 AG

+ GCNKNCM, CCCM do cơ sở đào tạo cấp ghi tên viết tắt của cơ sở đào tạo và ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 ĐTI.HP; Số CCCM: 00000001 ĐTI.SG

(10): Cấp lần đầu: ghi ngày/tháng/năm của GCNKNCM, CCCM đã được cấp lần đầu tiên; phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(11): Có giá trị đến: phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Nếu người có GCNKNCM có tuổi lao động ngắn hơn 5 năm thì ghi hạn đến ngày (tháng) sinh nhật.

5. Chất liệu, kích thước, hoa văn, màu sắc

a) Phôi GCNKNCM thuyền trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

b) Phôi GCNKNCM máy trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

c) Phôi chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

d) Phôi chứng chỉ chuyên môn đặc biệt được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung

5. Chất liệu, kích thước, hoa văn, màu sắc

a) Phôi GCNKNCM thuyền trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

b) Phôi GCNKNCM máy trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

c) Phôi chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

d) Phôi chứng chỉ chuyên môn đặc biệt được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

Mặt ngoài: có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

Mặt trong: có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung

khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

II. MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng	STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng
1	An Giang	AG	18	Lạng Sơn	LS
2	Bắc Ninh	BN	19	Lai Châu	LC
3	Cà Mau	CM	20	Lâm Đồng	LĐ
4	Cần Thơ	CT	21	Lào Cai	LK
5	Cao Bằng	CB	22	Nghệ An	NA
6	Đà Nẵng	ĐNa	23	Ninh Bình	NB
7	Đắk Lắk	ĐL	24	Phú Thọ	PT
8	Điện Biên	ĐB	25	Quảng Ngãi	QNg
9	Đồng Nai	ĐN	26	Quảng Ninh	QN
10	Đồng Tháp	ĐT	27	Quảng Trị	QT
11	Gia Lai	GL	28	Sơn La	SL
12	Hà Nội	HN	29	Tây Ninh	TN
13	Hà Tĩnh	HT	30	Thái Nguyên	TNg
14	Hải Phòng	HP	31	Thanh Hóa	TH
15	TP. Hồ Chí Minh	SG	32	Huế	HUE
16	Hưng Yên	HY	33	Tuyên Quang	TQ
17	Khánh Hòa	KH	34	Vĩnh Long	VL

II. MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng	STT	Tên địa phương	Mã hiệu vùng
1	An Giang	AG	18	Lạng Sơn	LS
2	Bắc Ninh	BN	19	Lai Châu	LC
3	Cà Mau	CM	20	Lâm Đồng	LĐ
4	Cần Thơ	CT	21	Lào Cai	LK
5	Cao Bằng	CB	22	Nghệ An	NA
6	Đà Nẵng	ĐNa	23	Ninh Bình	NB
7	Đắk Lắk	ĐL	24	Phú Thọ	PT
8	Điện Biên	ĐB	25	Quảng Ngãi	QNg
9	Đồng Nai	ĐN	26	Quảng Ninh	QN
10	Đồng Tháp	ĐT	27	Quảng Trị	QT
11	Gia Lai	GL	28	Sơn La	SL
12	Hà Nội	HN	29	Tây Ninh	TN
13	Hà Tĩnh	HT	30	Thái Nguyên	TNg
14	Hải Phòng	HP	31	Thanh Hóa	TH
15	TP. Hồ Chí Minh	SG	32	Huế	HUE
16	Hưng Yên	HY	33	Tuyên Quang	TQ
17	Khánh Hòa	KH	34	Vĩnh Long	VL

Phụ lục II
DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ

Phụ lục II
DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026

trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN BÁO CÁO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Báo cáo số 1:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM

ST T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN HOẶC SỐ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN HOẶC SỐ THẺ CĂN CƯỚC HOẶC SỐ CĂN CƯỚC ĐIỆN TỬ HOẶC SỐ HỘ CHIẾU	TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA(*)	SỐ/HẠNG/LOẠI GCNKNCM, CCCM CŨ, NGÀY CẤP	THỜI GIAN NGHIỆP VỤ	DỰ THI, KIỂM TRA LẤY GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
1	Theo thứ tự abc(**)							
2								
3								
4								
...								

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

(*) Chỉ áp dụng với trường hợp dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất (T1, M1).

(**) Theo thứ tự abc trong bảng chữ cái tiếng Việt.

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ QUAN BÁO CÁO **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Báo cáo số 1:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM

ST T	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA(*)	SỐ/HẠNG/LOẠI GCNKNCM, CCCM CŨ, NGÀY CẤP	THỜI GIAN NGHIỆP VỤ	DỰ HỌC, THI LẤY GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
1	Theo thứ tự abc(**)							
2								
3								
4								
...								

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

(*) Chỉ áp dụng với trường hợp dự thi lấy GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất (T1, M1).

(**) Theo thứ tự abc trong bảng chữ cái tiếng Việt.

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Từ ngày.....tháng..... năm..... đến ngày.....tháng..... năm.....)

**PHÂN PHỐI THỜI GIAN
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

STT	MÃ MÔN HỌC, MÔĐUN	TÊN MÔN HỌC, MÔĐUN	GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY	PHÂN PHỐI THỜI GIAN (Giờ)				GHI CHÚ
				LT	TH	T (KT)	TS	
1								
2								
3								
4								
...								
TỔNG SỐ								

**LỊCH HỌC TOÀN KHOẢ
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tháng																									
	Tuần																								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
Từ ngày đến ngày																									
Phân giai đoạn																									
Lý thuyết.....																									
Thực hành.....																									
Thi, kiểm tra.....																									
Nghỉ, dự phòng...																									

Giải thích các từ viết tắt:

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Từ ngày.....tháng..... năm..... đến ngày.....tháng..... năm.....)

**PHÂN PHỐI THỜI GIAN
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

STT	MÃ MÔN HỌC, MÔĐUN	TÊN MÔN HỌC, MÔĐUN	GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY	PHÂN PHỐI THỜI GIAN (Giờ)				GHI CHÚ
				LT	TH	T (KT)	TS	
1								
2								
3								
4								
...								
TỔNG SỐ								

**LỊCH HỌC TOÀN KHOẢ
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Tháng																									
	Tuần																								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
Từ ngày đến ngày																									
Phân giai đoạn																									
Lý thuyết.....																									
Thực hành.....																									
Thi, kiểm tra.....																									
Nghỉ, dự phòng...																									

Giải thích các từ viết tắt:

<p>(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</p>
<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP Số...../QĐ-.....</p> <p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, ngày.....tháng..... năm 20....</p>	<p>CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP Số...../QĐ-.....</p> <p>CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc, ngày.....tháng..... năm 20....</p>
<p>QUYẾT ĐỊNH Thành lập Hội đồng thi, kiểm tra để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa</p>	<p>QUYẾT ĐỊNH Thành lập Hội đồng thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa</p>
<p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP</p> <p>Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày.../.../...của...quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;</p> <p>Căn cứ Thông tư số...../TT-BGTVT ngày...../...../20 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</p> <p>Xét Tờ trình số.../...ngày.../.../... của...về việc đề nghị.....tổ chức Hội đồng thi, kiểm tra cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;</p> <p>Theo đề nghị của.....,</p>	<p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP</p> <p>Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày.../.../...của...quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;</p> <p>Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD ngày...../...../20 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;</p> <p>Xét Tờ trình số.../...ngày.../.../... của...về việc đề nghị.....tổ chức Hội đồng thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;</p> <p>Theo đề nghị của.....,</p>
<p>QUYẾT ĐỊNH:</p> <p>Điều 1. Thành lập Hội đồng thi, kiểm tra để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày.....tháng.....năm...tại.....(có danh sách kèm theo).</p> <p>Điều 2. Hội đồng thi, kiểm tra thành lập Ban coi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra và chỉ đạo thực hiện kỳ thi, kiểm tra theo quy định hiện hành.</p> <p>Điều 3. Hội đồng được phép sử dụng con dấu củatrong thời gian tổ chức kỳ thi, kiểm tra cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa.</p> <p>Điều 4......,, và các ông (bà) có tên trong danh sách Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p> <p>Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT,.....</p> <p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)</p>	<p>QUYẾT ĐỊNH:</p> <p>Điều 1. Thành lập Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày.....tháng.....năm...tại.....(có danh sách kèm theo).</p> <p>Điều 2. Hội đồng thi thành lập Ban coi, chấm thi và chỉ đạo thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.</p> <p>Điều 3. Hội đồng được phép sử dụng con dấu củatrong thời gian tổ chức kỳ thi cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa.</p> <p>Điều 4......,, và các ông (bà) có tên trong danh sách Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.</p> <p>Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT,.....</p> <p>THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)</p>

HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA
ĐỀ CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20...)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG
1			Chủ tịch
2			Phó Chủ tịch
3			Ủy viên
...			...
7			Ủy viên Thư ký

HỘI ĐỒNG THI
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

*(Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20...**của.....**)*

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG HỘI ĐỒNG
1			Chủ tịch
2			Phó Chủ tịch
3			Ủy viên
...			...
7			Ủy viên Thư ký

Phụ lục VI
LỊCH THI, KIỂM TRA
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

LỊCH THI, KIỂM TRA
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(tại.....tổ chức từ ngày...../...../20.....đến ngày...../...../20.....)

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN COI THI, CHĂM THI, COI KIỂM TRA, CHĂM KIỂM TRA	THUYỀN TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)			MÁY TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)		CCCM (Loại, số thí sinh)
		Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	Thực hành	Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	
1							...
2							
3							
...							

Thời gian thi:, ngày.....tháng.....năm 20.....
Sáng: Từ.....giờ.....đến.....giờ.....
Chiều: Từ.....giờ.....đến.....giờ.....
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VI
LỊCH THI
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HỘI ĐỒNG THI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

LỊCH THI
CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(tại.....tổ chức từ ngày...../...../20.....đến ngày...../...../20.....)

STT	HỌ VÀ TÊN GIÁO VIÊN COI THI, CHĂM THI	THUYỀN TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)			MÁY TRƯỞNG (Hạng, số thí sinh)		CCCM (Loại, số thí sinh)
		Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	Thực hành	Lý thuyết tổng hợp (Trắc nghiệm)	Lý thuyết chuyên môn (Vấn đáp)	
1							...
2							
3							
...							

Thời gian thi:, ngày.....tháng.....năm 20.....
Sáng: Từ.....giờ.....đến.....giờ.....
Chiều: Từ.....giờ.....đến.....giờ.....
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VII
KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

MÔN THI, KIỂM TRA:.....

HỌ VÀ TÊN GIÁM KHẢO:

1.....

2.....

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỀ THI, KIỂM TRA	ĐIỂM	KẾT QUẢ		CHỮ KÝ	GHI CHÚ
					Đạt	Không đạt		
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
...								

GIÁM KHẢO 1
(Ký, ghi rõ họ và tên)

GIÁM KHẢO 2
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VII
KẾT QUẢ THI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

HỘI ĐỒNG THI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm.....

KẾT QUẢ THI

MÔN THI:.....

HỌ VÀ TÊN *GIÁM THI*, GIÁM KHẢO:

1.....

2.....

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỀ THI	ĐIỂM	KẾT QUẢ		CHỮ KÝ	GHI CHÚ
					Đạt	Không đạt		
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
...								

***GIÁM THI*, GIÁM KHẢO 1**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

***GIÁM THI*, GIÁM KHẢO 2**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VIII
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo số 3:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI, KIỂM TRA

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN HOẶC SỐ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN HOẶC SỐ THẺ CĂN CƯỚC HOẶC SỐ CĂN CƯỚC ĐIỆN TỬ HOẶC SỐ HỘ CHIẾU	ĐIỂM THI, KIỂM TRA CÁC MÔN					KẾT QUẢ		LOẠI GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
				Đỗ	Không đỗ		
1	Theo thứ tự abc											
2												
3												
...												

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Phụ lục VIII
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP HỘI ĐỒNG THI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Báo cáo số 3:
Thời gian học:.....
Khai giảng ngày:.....
Bế giảng ngày:.....

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	ĐIỂM THI CÁC MÔN					KẾT QUẢ		LOẠI GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
				Đỗ	Không đỗ		
1	Theo thứ tự abc											
2												
3												
...												

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

....., ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

<p style="text-align: center;">Phụ lục IX BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ NHẤT <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)</i></p>	<p style="text-align: center;">Phụ lục IX BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ NHẤT <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i></p>
<p>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p>	<p>CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HỘI ĐỒNG THI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p>
<p style="text-align: center;">BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ NHẤT</p> <p>Thi hành Quyết định số.../QĐ-.... ngày.../...../200... của về việc tổ chức Hội đồng thi, kiểm tra đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tại.....</p> <p>Phiên họp bắt đầu hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....</p> <p>Chủ trì: ông (bà)..... - Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra.</p>	<p style="text-align: center;">BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ NHẤT</p> <p>Thi hành Quyết định số.../QĐ-.... ngày.../...../20... của về việc tổ chức Hội đồng thi đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tại.....</p> <p>Phiên họp bắt đầu hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....</p> <p>Chủ trì: ông (bà)..... - Chủ tịch Hội đồng thi.</p>
<p style="text-align: center;">NỘI DUNG</p> <p>I. THỦ TỤC:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có mặt:.../.... 2. Vắng mặt:..... 3. Chủ tịch Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng thi, kiểm tra và quán triệt các nguyên tắc cơ bản về thi, kiểm tra đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa. <p>II. SỐ LƯỢNG THÍ SINH:</p> <p>Theo Hồ sơ được duyệt và kết quả đào tạo, tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi, kiểm tra:.....thí sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyền trưởng hạng nhất:.....thí sinh. - Thuyền trưởng hạng nhì:.....thí sinh. - Thuyền trưởng hạng ba:.....thí sinh. - Thuyền trưởng hạng tư:.....thí sinh. - Máy trưởng hạng nhất:.....thí sinh. - Máy trưởng hạng nhì:.....thí sinh. - Máy trưởng hạng ba:.....thí sinh. 	<p style="text-align: center;">NỘI DUNG</p> <p>I. THỦ TỤC:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có mặt:.../.... 2. Vắng mặt:..... 3. Chủ tịch Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng thi và quán triệt các nguyên tắc cơ bản về thi đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa. <p>II. SỐ LƯỢNG THÍ SINH:</p> <p>Theo Hồ sơ được duyệt và kết quả đào tạo, tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi:.....thí sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyền trưởng hạng nhất:.....thí sinh. - Thuyền trưởng hạng nhì:.....thí sinh. - Thuyền trưởng hạng ba:.....thí sinh. - Thuyền trưởng hạng tư:.....thí sinh. - Máy trưởng hạng nhất:.....thí sinh. - Máy trưởng hạng nhì:.....thí sinh. - Máy trưởng hạng ba:.....thí sinh. - Chứng chỉ chuyên môn:.... thí sinh.

<p>- Chúng tôi chuyên môn:..... thí sinh.</p> <p>III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA:</p> <p>1. Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách chỉ đạo chung suốt quá trình thi, kiểm tra.</p> <p>2. Phó Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kỳ thi, kiểm tra, cử cán bộ làm công tác an ninh trật tự, an toàn trong khu vực thi, kiểm tra.</p> <p>3. Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra: ông (bà)....., giúp Chủ tịch Hội đồng thi, kiểm tra phân công giám khảo coi thi, chấm thi, lập kế hoạch thi, kiểm tra.</p> <p>4. Phó Trưởng ban coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra: ông (bà)..... giúp việc Trưởng ban.</p> <p>5. Ủy viên Thư ký: ông (bà)....., giúp việc Chủ tịch Hội đồng, hoàn chỉnh các văn bản kỳ thi, kiểm tra và kiểm tra tính đầy đủ về hồ sơ dự thi, kiểm tra của các thí sinh.</p> <p>6. (Cơ sở đào tạo) tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý đối với toàn bộ hồ sơ dự thi, kiểm tra của các thí sinh.</p> <p>7. Các ủy viên khác: kiểm tra các điều kiện thi, kiểm tra; tham gia coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra; theo dõi tình hình diễn biến kỳ thi, kiểm tra và kịp thời phản ánh về Hội đồng các vấn đề bất thường có liên quan.</p> <p>IV. KẾ HOẠCH THI, KIỂM TRA:</p> <p>Khai mạc vào hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....</p> <p>Ngày, giờ thi, kiểm tra các môn có lịch cụ thể kèm theo.</p> <p>Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí.</p> <p>Phiên họp kết thúc hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20...</p> <p style="text-align: center;">THƯ KÝ <i>(Ký, ghi rõ họ và tên)</i></p> <p style="text-align: center;">CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA <i>(Ký, ghi rõ họ và tên)</i></p>	<p>III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG THI:</p> <p>1. Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách chỉ đạo chung suốt quá trình thi.</p> <p>2. Phó Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kỳ thi, cử cán bộ làm công tác an ninh trật tự, an toàn trong khu vực thi.</p> <p>3. Trưởng ban coi thi, chấm thi: ông (bà)....., giúp Chủ tịch Hội đồng thi phân công giám thi, giám khảo coi thi, chấm thi, lập kế hoạch thi.</p> <p>4. Phó Trưởng ban coi thi, chấm thi: ông (bà)..... giúp việc Trưởng ban.</p> <p>5. Ủy viên Thư ký: ông (bà)....., giúp việc Chủ tịch Hội đồng, hoàn chỉnh các văn bản kỳ thi và kiểm tra tính đầy đủ về hồ sơ dự thi của các thí sinh.</p> <p>6. (Cơ sở đào tạo) tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý đối với toàn bộ hồ sơ dự thi của các thí sinh.</p> <p>7. Các ủy viên khác: kiểm tra các điều kiện thi; tham gia coi thi, chấm thi; theo dõi tình hình diễn biến kỳ thi và kịp thời phản ánh về Hội đồng các vấn đề bất thường có liên quan.</p> <p>IV. KẾ HOẠCH THI:</p> <p>Khai mạc vào hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....</p> <p>Ngày, giờ thi các môn có lịch cụ thể kèm theo.</p> <p>Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí.</p> <p>Phiên họp kết thúc hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20...</p> <p style="text-align: center;">THƯ KÝ <i>(Ký, ghi rõ họ và tên)</i></p> <p style="text-align: center;">CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI <i>(Ký, ghi rõ họ và tên)</i></p>
<p style="text-align: center;">Phụ lục X BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ HAI <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)</i></p>	<p style="text-align: center;">Phụ lục X BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ HAI <i>(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i></p>
<p style="text-align: center;">CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...</p> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p style="text-align: center;">BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA LẦN THỨ HAI</p>	<p style="text-align: center;">CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP HỘI ĐỒNG THI</p> <p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p style="text-align: center;">BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ HAI</p>

<p>3. Các kiến nghị:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí. Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)..... xem xét, quyết định công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho học viên.</p> <p>Phiên họp kết thúc hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....</p> <p>THƯ KÝ (Ký, ghi rõ họ và tên)</p> <p>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA (Ký, ghi rõ họ và tên)</p>	<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>3. Các kiến nghị:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí. Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp) xem xét, quyết định công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho học viên.</p> <p>Phiên họp kết thúc hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....</p> <p>THƯ KÝ (Ký, ghi rõ họ và tên)</p> <p>CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI (Ký, ghi rõ họ và tên)</p>
<p align="center">Phụ lục XI QUYẾT ĐỊNH</p> <p>Công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa</p> <p><i>(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)</i></p>	<p align="center">Phụ lục XI QUYẾT ĐỊNH</p> <p>Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa</p> <p><i>(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)</i></p>
<p align="center">CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP</p> <p align="center">SỐ...../QĐ-.....</p> <p align="center">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p align="center">....., ngày.....tháng.... năm 20....</p> <p align="center">QUYẾT ĐỊNH</p> <p align="center">Công nhận kết quả thi, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa</p> <p align="center">THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP</p> <p align="center">Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày.../.../...của....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và</p>	<p align="center">CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP</p> <p align="center">SỐ...../QĐ-.....</p> <p align="center">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p align="center">....., ngày.....tháng.... năm 20....</p> <p align="center">QUYẾT ĐỊNH</p> <p align="center">Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa</p> <p align="center">THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP</p> <p align="center">Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-.....ngày.../.../...của....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn</p>

cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BGTVT ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ ~~Giao thông vận~~ ~~tài~~ quy định thi, ~~kiểm tra~~, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Theo biên bản kết quả của Hội đồng thi, ~~kiểm tra~~ để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày...../...../.....tại.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi, ~~kiểm tra~~ và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho.....thí sinh (có danh sách kèm theo) đã đạt kết quả thi, ~~kiểm tra~~ để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa..... tổ chức ngày...../...../..... tại:.....

Điều 2., ..., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
 - Như Điều 2;
 - Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ **Xây dựng** quy định thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Theo biên bản kết quả của Hội đồng thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày...../...../.....tại.....;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho.....thí sinh (có danh sách kèm theo) đã đạt kết quả thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa..... tổ chức ngày...../...../..... tại:.....

Điều 2., ..., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
 - Như Điều 2;
 - Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

DANH SÁCH CẤP GCNKNCM, CCCM
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày.....tháng.....năm.....của.....)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ CỦA HỌC VIÊN	LOẠI, HẠNG GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
I. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				T1	
2				T1	
3				T1	
...				...	
II. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				T2	
2				T2	
3				T2	
...				...	
III. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA					
1				T3	
2				T3	
3				T3	
...				...	
IV. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ					
1				T4	
2				T4	
3				T4	
...				...	
V. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				M1	
2				M1	
3				M1	
...				...	
VI. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				M2	
2				M2	
3				M2	
...				...	
VII. MÁY TRƯỞNG HẠNG BA					
1				M3	
2				M3	
3				M3	
...				...	

DANH SÁCH CẤP GCNKNCM, CCCM
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày.....tháng.....năm.....của.....)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	LOẠI, HẠNG GCNKNCM, CCCM	GHI CHÚ
I. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				T1	
2				T1	
3				T1	
...				...	
II. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				T2	
2				T2	
3				T2	
...				...	
III. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA					
1				T3	
2				T3	
3				T3	
...				...	
IV. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ					
1				T4	
2				T4	
3				T4	
...				...	
V. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT					
1				M1	
2				M1	
3				M1	
...				...	
VI. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHÌ					
1				M2	
2				M2	
3				M2	
...				...	
VII. MÁY TRƯỞNG HẠNG BA					
1				M3	
2				M3	
3				M3	
...				...	

VIII. CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN					
1				TT	
2				TM	
3				LPT	
...				...	

VIII. CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN					
1				TT	
2				TM	
3				LPT	
...				...	

Phụ lục XII
SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục XII
SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

HẠNG/LOẠI GCNKN CM/CCCM ^(*)	SỐ GCNKN CM/CCCM	CẤP LẦN ĐẦU	CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN	SỐ SER I	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐỊNH DANH CÁ NHÂN HOẶC SỐ CĂN CƯỚC CÔNG DÂN HOẶC SỐ THẺ CĂN CƯỚC HOẶC SỐ CĂN CƯỚC ĐIỆN TỬ HOẶC SỐ HỘ CHIẾU	ẢNH	SỐ GCNKN CM/CCCM CŨ	KÝ NHẬN NGÀY CẤP

SỔ CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

HẠNG/LOẠI GCNKN CM/CCCM ^(*)	SỐ GCNKN CM/CCCM	NGÀY CẤP	CẤP LẦN ĐẦU	CÓ GIÁ TRỊ ĐẾN	SỐ SER I	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	ẢNH	SỐ GCNKN CM/CCCM CŨ

() Chú thích:* Hạng/loại GCNKN CM/CCCM:
T1: GCNKN CM thuyền trưởng hạng nhất.
T2: GCNKN CM thuyền trưởng hạng nhì.
T3: GCNKN CM thuyền trưởng hạng ba.
T4: GCNKN CM thuyền trưởng hạng tư.
M1: GCNKN CM máy trưởng hạng nhất.
M2: GCNKN CM máy trưởng hạng nhì.
M3: GCNKN CM máy trưởng hạng ba.
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.

TT: chứng chỉ thủy thủ.
TM: chứng chỉ thợ máy.
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.
ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.
ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.
ATVB: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.
ATXD: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.
ATHC: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.
ATKHL: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.
GCN: giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

() Chú thích:* Hạng/loại GCNKN CM/CCCM:
T1: GCNKN CM thuyền trưởng hạng nhất.
T2: GCNKN CM thuyền trưởng hạng nhì.
T3: GCNKN CM thuyền trưởng hạng ba.
T4: GCNKN CM thuyền trưởng hạng tư.
M1: GCNKN CM máy trưởng hạng nhất.
M2: GCNKN CM máy trưởng hạng nhì.
M3: GCNKN CM máy trưởng hạng ba.
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.

TT: chứng chỉ thủy thủ.
TM: chứng chỉ thợ máy.
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.
ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.
ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.
ATVB: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.
ATXD: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.
ATHC: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.
ATKHL: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.
GCN: giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

BÌA SỔ

SỔ
CẤP, CẤP LẠI,
CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM
PTTND
Quyển số:.....

BÌA SỔ

SỔ
CẤP, CẤP LẠI,
CHUYỂN ĐỔI
GCNKNCM, CCCM
PTTND
Quyển số:.....

Phụ lục XIII

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi, ~~coi kiểm tra, chấm kiểm tra~~ cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38 /2023/TT-BGTVT ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục XIII

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-HĐT, KT

....., ngày.....tháng..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi, ~~coi kiểm tra, chấm kiểm tra~~ cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

Cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Thông tư số...../TT-BGTVT ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, ~~kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi~~ giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày...../...../.....của.....về việc thành lập Hội đồng thi, ~~kiểm tra~~ để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thi, ~~kiểm tra,~~

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban coi thi, chấm thi, ~~coi kiểm tra, chấm kiểm tra~~ để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày.....tháng.....năm.... tại.....(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban coi thi, chấm thi, ~~coi kiểm tra, chấm kiểm tra~~ có nhiệm vụ thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng thi, ~~kiểm tra,~~ Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HĐT, KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI, KIỂM TRA

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP
HỘI ĐỒNG THI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-HĐT

....., ngày.....tháng..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập ban coi thi, chấm thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD ngày...../...../20... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày...../...../.....của.....về việc thành lập Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban coi thi, chấm thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày.....tháng.....năm.... tại.....(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban coi thi, chấm thi có nhiệm vụ thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng thi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu HĐT, KT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

BAN COI THI, CHẤM THI, ~~COI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA~~ CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-HDT, ~~KF~~ ngày...../...../20.....của Hội đồng thi, ~~kiểm tra~~)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG BAN COI THI, CHẤM THI
1			Trưởng ban
2			Phó Trưởng ban
3			Thành viên
4			Thành viên
5			Thành viên
...			...

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, ~~KIỂM TRA~~, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2024/TT-BGTVT ngày 17/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BAN COI THI, CHẤM THI CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-HDT ngày...../...../20.....của Hội đồng thi)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	CHỨC DANH TRONG BAN COI THI, CHẤM THI
1			Trưởng ban
2			Phó Trưởng ban
3			Thành viên
4			Thành viên
5			Thành viên
...			...

Phụ lục XIV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp
không quá
06 tháng (*)

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp).....
Tên tôi là:
Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Điện thoại:; Email:
Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số căn cước điện tử hoặc số hộ chiếu:.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:, khóa:, Trường:đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:ngày.....tháng.....năm.....

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

TỪ.....ĐẾN	CHỨC DANH	NƠI LÀM VIỆC	SỐ PTTNĐ	GHI CHÚ

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

- + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM:
- + Dự thi, kiểm tra cấp GCNKNCM, CCCM:
- + Xét cấp GCNKNCM, CCCM:
- + Cấp lại GCNKNCM, CCCM:
- + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM:

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
DỰ HỌC, THI, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

Kính gửi (**):.....

Ảnh màu
cỡ 2x3 cm,
ảnh chụp
không quá
06 tháng (*)

Tên tôi là:
Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Điện thoại:; Email:
Số ĐDCN/CCCD/thẻ CC/hộ chiếu (**):.....
Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa:,
Trường: đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:
.....ngày.....

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa: **Chỉ tiết tại bảng kèm theo.**

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

+ Dự học để thi lấy GCNKNCM, CCCM: <input type="checkbox"/>	+ Cấp lại (đổi) do GCNKNCM, CCCM hết hạn: <input type="checkbox"/>
+ Dự thi cấp GCNKNCM, CCCM: <input type="checkbox"/>	+ Cấp lại do GCNKNCM, CCCM hỏng, sai lệch thông tin hoặc cần điều chỉnh thông tin: <input type="checkbox"/>
+ Xét cấp GCNKNCM, CCCM: <input type="checkbox"/>	+ Cấp lại do mất GCNKNCM, CCCM: <input type="checkbox"/>
+ Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: <input type="checkbox"/>	+ Lý do khác:

Đề nghị (**):.....cho tôi được dự học, thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

(*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng.

(**) cơ quan có thẩm quyền cấp.

(***)Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số hộ chiếu.

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(* 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng.

QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

<i>TỪ..... ĐẾN</i>	<i>CHỨC DANH</i>	<i>NƠI LÀM VIỆC</i>	<i>SỐ ĐK PTTND</i>	<i>XÁC NHẬN CỦA CHỦ PHƯƠNG TIỆN (Ký, đóng dấu)</i>

Phụ lục XV

MẪU DANH SÁCH

**HỌC VIÊN THAM DỰ LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ COI THI,
CHẤM THI, COI KIỂM TRA, CHẤM KIỂM TRA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm

Phụ lục XV

MẪU DANH SÁCH

**HỌC VIÊN THAM DỰ LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ COI THI,
CHẤM THI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026

2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Họ và tên	Chức vụ Đơn vị công tác	Ngành, loại, hạng coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đã được công bố trước đó	Trình độ đào tạo		Ngành, loại, hạng coi thi, chấm thi, coi kiểm tra, chấm kiểm tra đăng ký dự tập huấn nghịệp vụ	Điện thoại, email, fax
				Văn bằng	Chuyên môn		
1							
2							
3							
...							

ST T	Họ và tên	Chức vụ Đơn vị công tác	Ngành, loại, hạng coi thi, chấm thi đã được công bố trước đó	Trình độ đào tạo		Ngành, loại, hạng coi thi, chấm thi đăng ký dự tập huấn nghịệp vụ	Điện thoại, email
				Văn bằng	Chuyên môn		
1							
2							
3							
...							

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ghi chú:

- Nếu là tổ chức: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên.
- Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ghi chú:

- Nếu là tổ chức: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên.
- Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên.

Phụ lục XVI

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 40 /2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục XVI

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ QUAN BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi:
BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO
THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI CƯ TRÚ	THUYỀN TRƯỞNG				MÁY TRƯỞNG			CCCM						GC N	TỔNG SỐ	GHI CHÚ	
				T1	T2	T3	T4	M1	M2	M3	AT CB	T T	TM	LPT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xếp theo văn ABC																			
...																				
46																				
...																				
63																				
TỔNG SỐ																				

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Chú thích:

T1: thuyền trưởng hạng nhất.
T2: thuyền trưởng hạng nhì.
T3: thuyền trưởng hạng ba.
T4: thuyền trưởng hạng tư.
M1: máy trưởng hạng nhất.
M2: máy trưởng hạng nhì.
M3: máy trưởng hạng ba.

CCCM: chứng chỉ chuyên môn.
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.
TT: chứng chỉ thủy thủ.
TM: chứng chỉ thợ máy.
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.
GCN: giấy chứng nhận học tập pháp luật về Giao thông đường thủy nội địa.

Kính gửi:
BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO
THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ ĐDCN/CC CD/THẺ CC/HỘ CHIẾU	THUYỀN TRƯỞNG				MÁY TRƯỞNG			CCCM						GC N	TỔNG SỐ	GHI CHÚ	
				T1	T2	T3	T4	M1	M2	M3	AT CB	T T	TM	LPT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Xếp theo văn ABC																			
...																				
46																				
...																				
63																				
TỔNG SỐ																				

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

Chú thích:

T1: thuyền trưởng hạng nhất.
T2: thuyền trưởng hạng nhì.
T3: thuyền trưởng hạng ba.
T4: thuyền trưởng hạng tư.
M1: máy trưởng hạng nhất.
M2: máy trưởng hạng nhì.
M3: máy trưởng hạng ba.

CCCM: chứng chỉ chuyên môn.
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.
TT: chứng chỉ thủy thủ.
TM: chứng chỉ thợ máy.
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.
GCN: giấy chứng nhận học tập pháp luật về Giao thông đường thủy nội địa.

